

KIM CANG KINH TOÀN YẾU SAN ĐỊNH KÝ

QUYỂN 4

IV. Như Lai Chánh Thuyết: có hai phần: Chánh đáp sở vấn. Có hai phần: Nêu chung kê riêng để điệp vấn:

Kinh: “Chư Bồ-tát Ma ha tát”:

Hỏi: trong phần nêu đương cơ trước, nói: “Thiện nam tử! Thiện nữ nhơn”, đến nay là trả lời, sao lại nói. “Bồ-tát ma ha tát”?

Đáp: Đại tâm chưa phát, tức là phàm phu, đã phát đại tâm, tức danh Bồ-tát. Thiện Hiệן khi nêu là dựa theo khi chưa phát tâm, cho nên nói “Thiện nam tử, thiện nữ nhơn”. Thế Tôn trả lời là dựa theo sau khi đã phát tâm, mới nói chư Bồ-tát Ma Ha Tát.

Sớ “Đây là lấy...” có bốn phần: Giải thích văn kinh: Vì không sinh (Tu Bồ-đề) nghe có ba loại, Phật nay nêu lại chỉ nói hàng phục, cho nên ở đây mới giải thích: hai câu đầu là nêu, từ “nghĩa là trong trú...” là giải thích: nghĩa là vô ngã mà độ chúng sanh, đó là hàng phục ở trong trú. Bồ thí chẳng trú tướng, là hàng phục trong tu. Do những nghĩa này, cho nên hàng phục là chung. “Ý kinh tại đây”: là ở tại nêu hàng phục mà chỉ rõ trú và tu, là muốn hiển rõ văn giản dị mà nghĩa phong phú, huyền diệu lẫm thay đầu tuy trú, tu, rốt sau hàng phục, được ý thâm sâu, cho nên nói một.

Từ “Có người chia...”: là phê phán người khác chia kinh lẫm lẫm, tức là quyển Sớ Đại Vân, Thanh Long thì nói: “Nêu phần cuối bao quát cả phần đầu, nghĩa cũng giống nhau”. Từ “Mới khiến cho...” là chánh phê phán sự sai lẫm đó. Câu “Văn chẳng ổn, chẳng suông” nghĩa là vốn nên phần đầu bao quát phần sau, như sắc nêu sắc là để ví cho thanh, hương... sao bỗng nhiên lại nêu sau, như nêu sắc là để ví cho thanh, hương.. sao bỗng nhiên lại nêu sau nhiếp đầu, làm cho văn chẳng ổn chẳng suông. Chẳng ổn chẳng suông là do bởi chia phần, chẳng phải bốn ý của văn kinh, từ “Huống nữa xem kỹ ...”: là định rõ ý chỉ của kinh, câu “hàng phục nằm trong trú và tu”, hàng phục trong trú, tức là “Thật vô độ giả”. Hàng phục trong tu, tức là “vô tướng bồ thí”. Vô độ Vô trú

tức là ly tướng. Ly tướng đã thông cả trú và tu.

Từ “Chẳng riêng đáp...” là phần bốn, điệp nạn thích thông nạn rằng: Không sanh đã hỏi có thứ tự, trú, tu, hàng phục rõ ràng. Vì sao trong kinh chẳng riêng đáp mà lại gói gắm trong trú và tu? Từ câu “trông cửa kinh này ...” là chánh thông. Như trên đã dẫn vô độ, vô trú. Câu “Cần phải dựa theo trú, tu mà hiển”: là nếu có phát tâm, tu hành thì mới có thể nói đến hàng tâm. Nếu không có trú, tu thì nói chi đến hàng phục. Thế thì chỉ ở trú và tu. Vì hàng là phân biệt vọng niệm nên nói “vốn chẳng lìa nhau”. Từ câu “Mười tám trú của ngài Vô Trưởng ...” là dẫn chứng, có thể hiểu được.

Trong Sơ phần đáp câu hỏi về an trú, hàng tâm: Đây tức là an trú bốn tâm. Di Lặc kệ nói: “Quảng Đại đệ nhất thường, kỳ tâm bất điên đảo, lợi ích thâm tâm trú, thừa này công đức mãn”. Theo bài kệ này mà chia, cho nên kê ra bốn tâm.

Sơ “Cú thứ nhất...” có hai phần: Giải thích nêu “Tam giới phổ độ” là giải thích nghĩa của Quảng đại tất cả chúng sanh chẳng vượt tam giới, tam giới phổ độ mới gọi là quảng đại. Nếu một chúng sanh chẳng cho độ thì chẳng phải là Quảng đại. Cho nên kinh nêu rằng: “Toàn bộ tất cả chúng sanh”, tức là bao quát hết. Tiếng Phạm gọi là Bạc Hộ Thiện na, tiếng Hán gọi là chúng sanh. Trí Độ Luận nói: Sanh ra trong ngũ Uẩn hòa hợp, cho nên gọi là chúng sanh. Du Già Luận nói: Tư nghiệp làm Nhân, Noãn, Thai, thấp. Hóa làm duyên. Ngũ uẩn mới bắt đầu khởi, gọi đó là sanh. “Loại” tức là dòng loại, tức là bốn loại; Thai, trứng... từ “Nhược Noãn...” là phần hai: giải thích liệt kê. Có ba phần: trong phần một, có hai phần: Giải thích văn: bắt đầu bảm mệnh, gọi đó là “Thọ Sanh”, tức là khi mới bắt đầu thai, trứng,... bốn loại khác nhau, cho nên nói là “Sai Biệt”. Nghĩa là Noãn (trứng) là sanh ra trong vỏ. Thai thì sanh ra trong tạng. Nương theo ấm thấp mà sanh, Hóa là bỗng nhiên mà sanh, cho nên khác nhau, mà tam giới chúng sanh chẳng ra ngoài Ngũ đạo, dùng Bốn loại để nhiếp năm đạo cũng được đầy đủ. Cho nên Sơ tiếp đó nói rằng: “trời, Địa ngục thì Hóa Sanh”, đây là nó theo từ hẹp đến rộng. Câu “Loài trời, loài Địa Ngục la Hóa sanh”; loài trời, loài địa ngục chỉ là Hóa Sanh, là hẹp nhất, câu “Ma quỷ thông cả thai sanh và Hóa sanh”: là rộng vừa. Nghĩa là Địa Hành la sát và quỷ tử mẫu đều là Thai Sanh. Cho nên có chuyện quỷ mẫu (quỷ mẹ) bạch với Mục Liên rằng: “Tôi ngày đêm sanh ra năm trăm đứa con, sanh xong liền ăn, ăn hết chẳng nó”. Cho nên biết có quỷ thai sanh, ngoài ra đều là Hóa sanh. Câu “Loài người, loài súc vật, đều bốn sanh” Mẹ Tỳ xá

khư, trứng sanh ba mươi hai đứa con. Người thường thì thai sanh. Thấp sanh thì có nãi nữ từ khí ẩm thấp của cây Am-la mà sanh ra. Hóa sanh tức là loài người ở thời đại kiếp sơ (khởi đầu kiếp), cho nên Câu Xá nói: “Nhị thiên phước sắp hết, hạ sanh Thiên Bộ Châu”. Súc vật có đủ cả bốn sanh: Chánh Pháp niệm kinh nói: “Chim Kim Sí hóa sanh, ăn được rồng bốn sanh... Thấp sanh”. Mà cầm và thú tuy khác nhau, đều nằm trong Súc sanh Đạo. Các loài thú khác đều là Thai Sanh, các loài chim khác đều là Noãn sanh. Từ “những loài vi tế khác...” như Hoa Nghiêm nói: “Tận pháp giới, hư không giới, mười phương Sát hải, toàn bộ chúng sanh, những loài sai biệt”. Nghĩa là trứng sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh. Hoặc có loài nương vào đất, nước, lửa, gió mà sanh, trụ, hoặc có loài nương nhờ vào không gian và cỏ cây mà sanh, trụ. Nhiều thứ loài sanh, nhiều thứ sắc thân khác nhau. Cho đến nói rằng tất cả Thiên Long Bát Bộ, Nhân phi nhân,... không có chân, bốn chân, nhiều chân, hữu sắc, vô sắc, Hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng. Vì nay trong kinh không có chỗ nào nói riêng, chẳng thể hư cấu mà nói, cho nên sơ hết rằng: “Chẳng thể phân chia đầy đủ phẩm loại”. Từ câu “Noãn sanh là thấp kém...” là phần hai. Nạn vấn và thông nên nạn vấn rằng: Noãn sanh là kém nhất, sao lại đứng đầu? Hóa sanh là trội nhất, sao lại đứng sau? Từ câu “có hai giải thích...” là thông. Từ câu “Nếu dựa theo cảnh...”: nghĩa là trứng sanh ắt có đủ cả thai, thấp, hóa. vì chưa sanh là thai, trong thai ắt ẩm thấp, không mà bỗng nhiên có, là Hóa. thai sanh ắt kiêm cả Thấp, hóa. thấp ắt kiêm cả Hóa. Hóa thì chưa ắt kiêm những thứ khác. Vì chỉ từ ở vô mà bỗng nhiên Hữu. Đây tức là trước trước ắt đủ cả sau sau. Sau sau chẳng đủ cả trước trước. Cho nên lấy đây làm thứ tự. “Nếu dựa theo tâm thì từ gốc đến ngọn nên lấy đây làm thứ tự. “Nếu dựa theo tâm thì từ gốc đến ngọn...”: nghĩa là chúng sanh bốn Nhân khởi nghiệp, nghiệp thức tức là căn gốc, vô minh hòa hợp với Bốn tính, khi năng và Sở chưa tách ra thì hỗn độn như Noãn (trứng), Noãn tức là vô trứng. Cho nên Dục Sư Kinh nói: “Phá trứng vô minh, cạn sông phiền não, vô minh phát nghiệp, uẩn tại tàng Thức, làm thai thọ sanh là Thấp, khi sanh từ không mà bỗng có là Hóa, do bởi những nghĩa này, cho nên lấy đây làm thứ tự.

“Y chỉ sai biệt”: Y chỉ tức là chúng sanh thân, thân đủ cả y chỉ, nghĩa y chỉ khác nhau, cho nên nói là “sai biệt”. Vì vậy mà sơ tiếp đó nói “Hữu sắc, vô sắc...” Hữu sắc tức là lấy sắc làm thân vô sắc tức là lấy bốn uẩn làm thân. Lại nữa, “Sắc giới có Tứ thiên”... “Vô sắc có tứ không”, vì khác nhau về phẩm loại như vậy cho nên nói là “Y chỉ sai

biệt”.

Hỏi: Như có Kinh nói: Khi Phật Niết-bàn, vô sắc giới Thiên, lệ rơi như mưa. Đã có lệ rơi, sao gọi vô sắc?

Đáp: Gọi là vô sắc là không có nghiệp quả sắc, chứ chẳng phải không có Định quả sắc, cho nên chẳng trái.

“Cảnh giới Sai biệt”: Tuy nói Cảnh giới, ý nói là bốn xứ; không,... ”Hai xứ; không xứ và thức xứ” là cõi trời thứ nhất và cõi trời thứ hai của vô sắc giới. “Vô Sở Hữu Xứ” là cõi trời thứ ba. “Phi hữu thông phi vô tướng” là cõi trời thứ tư. Không có thô tướng, có tế tướng, là đánh của ba Hữu, cho nên gọi là “hữu đánh”.

Hỏi: Hai giới dưới đều có sắc. Vì sao chỉ nói Tứ Thiên, cho đó là sắc giới. Lại nữa sắc giới cùng có một Thiên (cõi trời) đều là vô tướng, sao lại chỉ cho vô sở Hữu xứ là vô tướng?

Đáp: Tam giới xét chung, chẳng ngoài năm sự đó là Dục, Sắc, Hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng phi vô tướng. Mà phi hữu vô tướng thì cục hạn ở một cõi trời Hữu Đảnh, một thiện sắc giới, tuy danh là vô tướng nhưng đã từ đa phần gọi chung là sắc giới cho nên chỉ cho vô sở hữu vi là vô tướng, ba sự còn lại, từ hai xứ không và thức trở xuống cho đến Dục giới càng nhìn nhau, Hữu và vô, rộng và hẹp khác nhau, nghĩa là Dục giới có đủ cả ba sự, sắc giới thì không có Dục. Vô sắc giới thì chỉ có tướng, không có sắc, không có Dục, cho nên đặt tên là Hữu tướng, sắc giới tuy có tướng, vì e lạm với tên của giới trên, nên đặt tên là Hữu sắc. Dục giới tuy kiêm cả sắc, tướng, những giới trên đã chiếm hai tên này, vì để tách khác kia nên chỉ gọi là Dục giới. Dưới dưới ắt đủ cả trên trên chẳng kiêm cả dưới dưới. Cho nên gốc đặt tên là ở tại đó vậy. Như có ba người; một người hiểu kinh, luật, luận một người hiểu kinh, luật. Một người chỉ hiểu luật, để phân biệt mà đặt tên... có thể biết được vậy. Lại nữa, ở Dục giới, ba dục năm diệu, dục cảnh thắng. Sắc giới thì tế diệu sắc thắng. Vô sắc giới thì tướng tâm thắng. Do vậy, dục chỉ ở Dục giới. Sắc thì thông cả hai giới. Tướng thì khắp cả ba giới. Vô tướng thì thông hai giới trên. Phi hữu tướng phi vô tướng thì chỉ ở một giới trên. Đây thì khác với giải thích của công Đức Thí.

Trong phần hai: Kinh chữ “Ngã” tức là Bồ-tát phát Bồ-đề tâm tự xưng. Nay Phật kể vị kia. “Niết-bàn”. Bản dịch đời Tần dịch là Diệt Độ. Nay kinh trước là tiếng phạm, sau là tiếng đường, cho nên nói rằng: “Như Diệt độ chi”. Nếu âm phạm đầy đủ thì phải gọi là Ma ha Ba Lê Ni Phược Nam, tiếng Hán gọi là Đại Viên tịch. Nay trong kinh luận đa phần nói là Niết-bàn. Mà theo Duy Thức Luận nói: Có bốn loại Niết-

bàn:

1. Tự tính thanh tịnh Niết-bàn, phàm và Thánh đồng có.
2. Hữu Dư Y Niết-bàn: tức là ra khỏi phiền não chướng, có khổ y thân.
3. Vô Dư y Niết-bàn: Thận xuất khỏi sinh tử khổ, không có y, mà Tiểu Thừa cho tro thân Diệt trí là Vô Dư. Vô Dư có ba loại: a. Phiền não Dư; b. Nghiệp Dư; c. Giới Báo Dư. Đại thừa thì cho rằng cứu cánh Báo Sở là Vô Dư. Cho nên trí Luận nói: Tứ Trú Địa, phiền não tận, dịch là Hữu Dư y. Ngũ trú Địa, phiền não tận, danh là Vô Dư Y.
4. Vô trú xứ Niết-bàn: Bi và trí cùng kiêm cả nhau, chẳng trú sinh tử, Niết-bàn.

Số: “Tức là vô...”: tức là trong bốn loại Vô Dư của Đại thừa, đó là Vô trú xứ Niết-bàn, nghĩa là bất trú Bồ-tát biến dị sanh tử, bất trú xứ Niết-bàn, nghĩa là Bất trú Bồ-tát Biến dị sanh tử, bất trú Nhị thừa tro thân Niết-bàn, tức Chơn vô trú xứ, gọi đó là Vô Dư. Nếu Vô Dư của Tiểu Thừa thì cũng như diệt giảm của hữu tình, chẳng có gì khác. Nay khác với kia, cho nên nói là “Bất cộng Nhị Thừa”. Bất cộng tức là chẳng phải Niết-bàn loại Niết-bàn thứ ba trong bốn loại kia, tức là ngôn thì đồng mà ý thì khác. Như Pháp Hoa kinh nói: Nếu khi được làm Phật, có đủ ba mươi hai tướng, bấy giờ mới có thể gọi là vĩnh tận diệt Vô Dư. Đây là Hai chướng đều tận, hai tử vĩnh ly. “Đệ nhất” là kết, quy về ý chỉ của kệ. Còn giải thích tên của đề mục (Đệ nhất tâm), ý nói nếu chẳng phải là Vô Dư của vô trú xứ thì sao thể Di Dặc là chỉ cho Đệ Nhất Tâm? Từ “Ngài Vô Trưởng...”: hai câu đầu là nạn vấn. Ý nói tất cả chúng sanh, năm tính sai biệt thì vì sao đều nhập Vô Dư Niết-bàn. Ba phần rưỡi chúng sanh chẳng đắc thành Phật, cho nên mới là “Bất khả đắc nghĩa”. Câu “Sanh sở nhiếp” là đáp. Đây là ngài Vô Trưởng lập lượng, thành lập đều khả độ, nên lập lượng rằng: Ba phần rưỡi chúng sanh là Hữu pháp Định, đều thành Phật, cho nên làm Tông. Nhân vậy nói là sanh tử nhiếp, đồng với Dụ một phần rưỡi chúng sanh, ý nói Niết-bàn kinh nói hể là Hữu tâm định đều sẽ làm Phật. Viên giác kinh nói: Hữu Tính, vô tính đều thành Phật đạo, đây tức là khả đắc nghĩa, sao lại nói là bất đắc. Câu “Lại nói, Noãn, thấp...”: Là nên nạn Xứ khó: Noãn, Thấp là súc sanh khó. Vô tướng, hữu Đảnh, tức là Trưởng Thọ Thiên khó. Tuy nên ra hai xứ, ý kiêm cả tám nạn xứ. Tám Nạn xứ là Tam Đề, Bắc châu, Trưởng Thọ Thiên, Phật tiền, Phật hậu, Thế Trí, Biện thông, vô căn, ý nói Nạn xứ thì chẳng thể Độ, sao lại đều nhập? Từ câu “có ba nhân duyên...” là đáp. “Nạn xứ đợi thời”. Đây cũng khiến cho thành

cái chủng. Ý nói chúng sanh ở Nạn Xứ, chẳng thể thường định, đến phi nạn xứ mà độ thoát họ. Nếu đắc thành chủng, giữa chậm hay mau, ắt cần thành thực. Vì phát đại tâm, cho nên hợp không có sót. “Phi Nạn Xứ”, tuy chưa độ nhưng lại làm cho thành thực. Đã thành thực rồi thì có thể biết vậy. Đây hơi giống với nghĩa của Hộ niệm và phí chúc ở phần trên.

Sở trong phần ba. Phần một Tính Không: Chúng sanh duyên sinh, vì duyên sinh là Vô Tính (không có tính) cho nên tức là không.

“Đồng Thể”: vì đồng một tính Chơn như, cho nên Khởi Tín Luận nói: Biết như thật tất cả chúng sanh cùng với Thân mình là Chơn Như, bình đẳng không có sai khác, từ câu “cho nên luận nói...” là dẫn chứng lời này còn ngược. Nêu nói là Chúng sanh diệt độ, không khác tự thân mình, thà ở tự thân mình mà khởi tha tưởng. “Bổn Tịch”: là vì tướng vốn tự nó tận diệt, chẳng cần đợi diệt nữa. Tịnh Danh nói: tất cả chúng sanh, tức tướng tịch diệt, chẳng còn diệt thêm nữa.

Hỏi: Đây có khác gì với tính không?

Đáp: Trước chỉ là Tức không. Đây thì bổn lai thành Phật, (vốn đã thành Phật). Thành Phật tức là nhập Niết-bàn, cho nên nói là “Bổn tịch”. Trước cạn sau sâu, có thể biết vậy.

“Pháp giới”: Nhất Chơn pháp giới, bình đẳng không có sai khác. Trong ấy, sao lại thấy tướng mình và người? Cho nên kệ nói: “Bình đẳng Chơn pháp giới, Phật chẳng độ chúng sanh”.

Năm nghĩa trên là văn của Đại Vân, mà trong đó. Nghĩa một và nghĩa ba là dựa theo sở. Nghĩa hai là dựa theo Năng Sở, nghĩa bốn chỉ dựa theo Năng. Nghĩa năm là bao quát cả gốc ngọn. Đại để ý nói: Nếu thấy chúng sanh có để độ thì sẽ sinh ra một mỗi chẳng thể thường độ: Nếu thấy chúng sanh có để độ thì sẽ sinh ra một mỗi chẳng thể thường độ, ngược lại tức là thường. Lại nữa, độ hay bất độ, tâm cũng không hai, gọi đó là Thường, cho nên Kinh Kim Cang tam Muội nói: Nếu hóa chúng sanh, chẳng sinh có hóa, chẳng sinh không có hóa thì Hóa kia là đại vậy.

Phần bốn Trong kinh, câu “Hà dĩ cố” là trưng hỏi. Ý nói: Nếu thấy có chúng sanh để độ thì điều này có lỗi gì? Tiếp đó thông rằng: “Nếu Bồ-tát có tướng Ngã,... tức phi Bồ-tát”. Đây là tỏ ngược. Ý nói: là Chơn Bồ-tát,... tức phi Bồ-tát”. Đây là tỏ ngược. Ý nói: Là Chơn Bồ-tát ắt không có là nghĩa Năng độ, há lại còn thấy có chúng sanh được diệt độ sao?

Câu “Lìa xa y chỉ, thân thấy chúng sanh? Y chỉ tức là tên gọi khác

của Thân Kiến, còn gọi là Tướng Tục, tiếng phạn là Tát-ca-da, tiếng Hán gọi là Thân kiến, cũng ngang bằng với Ngã, Nhơn, thọ giả. Ở đây gọi là Thân kiến, vì y chỉ thân mà khởi kiến này, cho nên nói: “Y chỉ thân, thấy tướng chúng sanh...”. Lại nữa, thân kiến làm gốc, các kiến khác nương vào đó mà sanh ra, nay đều lìa xa, cho nên nói là “Bình đẳng tướng”.

“Đã đoạn...” bên trong Vô Ngã, tức là vô tự tướng, vô tự tướng tức là Bình đẳng. Bình đẳng tức là nghĩa không. “Tín giải...”; vì mình mới người. Do bên trong vô tự tướng, mà đắc bên ngoài vô tha tướng, bên trong có, cho nên tự mình là nguyên do, đã không có tướng mình và người thì tự và tha bình đẳng. Chí Công nói: Vì thân ta không, nên chư pháp không. Ngàn phẩm vạn loại thấy đều đồng nhau. “Hiển thị Hàng phục...” là dựa theo luận của Vô Trưởng: “Quảng đại đệ nhất, đương trú thượng tâm, đương tu Bất Đảo, đương Hàng an trú”. Trong một đoạn có đủ ba nghĩa. Nay văn đoạn này, chính là nghĩa hàng, cho nên nói “Hiển thị Hàng phục...”

“Bất chuyển” chuyển tức là nghĩa của sanh khởi. Ý nói: Ngã kiến,... chẳng sanh khởi. Ngã chẳng sanh khởi, chính là nghĩa của hàng tâm. Bản Tín có thể sinh ra Hậu Đắc trí, cho nên gọi là trí Mẫu, tức là căn Bản Trí có thể sinh ra hậu Đắc Trí, cho nên gọi tên là Trí Mẫu. Vì Căn Bản Trí tuy Nội chứng Chơn Lý mà không có cái tâm năng chứng. Nay hậu đắc trí tuy ngoại độ chúng sanh mà không có cái niệm năng độ, cho nên nói là “Như Nhĩ Viên”. Dụng tâm như vậy, gọi là Bất Điên Đảo tâm. Ngược lại tức là Điên Đảo.

Phần hai là đáp về tu hành, có năm phần:

1. *Nêu chung*: Số “U pháp” nên chung. Nghĩa là sắc, thanh,... lục trần, gọi chung là pháp, cho nên bản dịch đời Ngụy nói: “Bất trú ở Sự”.

“Bồ-tát vạn Hạnh”: Đó là tự lợi lợi tha, Sự hành lý hành hành, những hành như vậy, vô lượng vô biên, nay nói “Vạn” là nên con số lớn.

“Gọi chung Bồ thí” Đó là Độ thứ nhất tức là Tư Sanh Thí. Độ thứ hai, thứ ba tức là vô úy Thí. Độ thứ tư, thứ năm, thứ sáu đều gọi là pháp thí. “Kệ nói...”: Là dẫn kệ giải thích. Trong đó hai câu đầu là tiêu, câu thứ ba là phối, câu thứ tư là kết.

“Nhất nhị tam”: nghĩa là một nhiếp một, hai nhiếp hai, ba nhiếp ba. Đây là Ba thí làm Năng nhiếp, sáu đô làm sở nhiếp.

“Ngài Vô Trưởng...” Là nguyên do nhiếp. Hai nghĩa trước thì hiển

rõ, nghĩa pháp Thí thì ẩn, cho nên Sở nói rõ vậy, mà phải lược tỏ: “Tư sinh”, tư tức là ngoại tài. “Vô úy” là do trì giới, Nhẫn nhục, nên không có tâm hại vật, dù có oan gia, cũng chẳng báo thù.

“Nếu không có tinh tiến...” Khởi Tín luận nói: Với các Thiên Sự, tâm chẳng khác nhóm chán nản thối lùi, lập chí kiên cường, xa lìa khiếp nhược yếu đuối.

“Nếu không có Thiền Định”. Văn sau nói: “Làm theo nào vì người diễn thuyết? Bất thủ ở tướng, như như bất động”. Bất động tức là nghĩa của vô nhiễm. Tâm so nghĩ liền sai lệch, đã gọi là Nhiễm, hưởng nữa là ham được tin kính, danh lợi, há lại chẳng nhiễm.

“Nếu không có Trí Huệ”; thì nói lửa là ẩm thấp, nước là nóng, đất thì động, gió thì kiên cứng, gọi đó là Diên đảo. Nếu thuyết sự như sự, thuyết lý như lý, thì chẳng phải diên đảo. Do vậy khai mở một thí ra làm ba thí, khai mở ba thí ra thành sáu độ, khai sáu độ ra thành vạn hạnh, vạn hạnh chẳng ra ngoài sáu độ, sáu độ chẳng ra ngoài ba thí, ba thí chẳng ngoài một loại Đản Na (Bố thí). Do vậy trong đây chỉ nói Bố thí.

2. Giải thích riêng. Sở chỉ:

“Ba sự”: Sáu cảnh tuy khác nhau, gom lại chỉ có ba dự.

“Đó là tự thân...” là liệt kê ra.

“Kệ nói:...” là giải thích: Hai câu đầu tiên. “tư bất trước” chữ tư, nghĩa là này đây. Chẳng để trước dính ba sự này. Hai câu tiếp là giải thích.

“Tôn kỹ bất thí”: là giải thích về tự thân mình ở trước. Vì trước chính tự thân mình, chẳng hành Bố Thí!

“Cầu dị sự”: giải thích về báo ân và quả báo ở trước. Đó chẳng phải là chánh hạnh mà Bồ-tát hành, cho nên nói là “Dị sự” (sự việc khác). Báo ân là đáp trả, báo đáp ân thời quá khứ. Quả báo là mong ngóng quả báo thời vị lai. Nghĩa của câu “Tự thân chẳng thí” là đang thời hiện tại. Chữ “Hộ” là phòng hộ. Ý bảo phải phòng hộ ở trong ba sự đời này thấy đều chẳng trước dính, tức là Bố thí mà chẳng trú trước dính trú sắc, thanh...

3. Sở: Từ câu “Trước chỉ...”: ý nói, ba sự trên, tóm thu hết quá khứ, vị lai. Chẳng phương hại Hữu, chẳng dính tự thân, chẳng dính quả báo, chẳng vì báo ân mà hành thí. Cũng chẳng phải là Vô trú.

Từ câu “nay thì...”: là hiển rõ ý kinh này. Tâm tức là Năng duyên, cảnh tức là sở duyên. Hữu tức là cả hai tâm và cảnh này “Hữu”.

“Không”: tức là lìa những tướng của tâm và cảnh.

Hỏi: Trú Cảnh thì trái với lý, lý tâm thì có gì sai trái?

Đáp: Không và Hữu, hai pháp đối đãi nhau mà đặt tên. Hữu và không, cả hai đều là tướng, rơi vào tướng nào cũng chẳng phải là Thường tâm. Do vậy, ở đây bảo tất cả đều khiến trừ.

“Vi tế rủ sạch”; Chẳng kể tâm hay cảnh, không hay Hữu, khởi tâm động niệm thì trái với pháp Thể. Do vậy mà tất cả rủ sạch, trừ sạch, mãi đến khi cần Thí, tâm dó bình đẳng, chẳng khởi phân biệt, mới thành Vô trú.

Hỏi: Nếu vậy, sinh tâm động niệm thì chẳng phải vô trú, nhưng chúng sanh tâm hành, nhậm vận chẳng thường, nếu đợi tương ứng, rốt cuộc vô phần, nếu một mực chẳng thí thì lại chẳng thành Nhân Phật, nếu hành Bồ thí thì lại rơi vào trú tướng, tiếng hay thối đều chẳng được, thế thì sự ấy ra sao?

Đáp: Muốn cầu Bồ-đề, ắt cần hành thí, khi mới hành thí, khó mà bỗng nhiên tương ứng, cần phải dụng tâm, mới thành tùy thuận nhậm vận khởi niệm, tác ý xa đây. Dụng tâm nhiều thời, tự nhiên nhậm vận, đắc hợp với Lý, từ vi đến trước, tan dần dần lần lượt tương ứng vậy, như Khởi Tín nói: Chơn Như lý ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên chẳng đạt đến.

Bèn hỏi thêm rằng: Nếu nghĩa như vậy, thì chơn chúng sanh, làm sao tùy thuận, mà đắc nhập được?

Cho nên đáp rằng: Nếu biết tất cả pháp, tuy niệm cũng không có năng niệm để niệm, đó gọi là Tùy thuận. Nếu ly ở niệm, gọi là đắc nhập...

Từ “Kệ nói...” là dẫn kệ để chứng cho nghĩa trên. Cho nên biết tâm và cảnh, không và Hư, đều là tướng.

Từ “Luận nói...”; là nói theo lý hai chấp, dùng ba luận để giải thích nghĩa lý tướng trên. Vật thí là pháp, người thí, người nhận là Nhơn (con người), nay đều chẳng thấy, tức là lý hai chấp, gọi đó là Nhị không. Hai không đều lý, tức là Thể của ba luận đều không “Luân”: là dụ, như bánh xe, bên trong rỗng, mới có thể vận chuyển được. Lão Tử nói: “Nhờ ở cái Vô (không có) của nó mà có cái dụng của xe”. Ba sự Thể không, chiêu được Phật quả. Ba Thể thể thật, ắt đọa thế gian. Đây tức là lấy bánh xe vô tướng để đập tan tướng ba Hữu, vượt ra ngoài Thế gian.

Từ “Cô trước...”: chỉ là chướng thành nghĩa trên. “Tướng” tức là cảnh. “Tướng” tức là tâm.

Từ “có người cho rằng...”: là phê phán sự phân chia văn đoạn sai

lầm, như văn.

4. *Hiếm ích*: Kinh ở văn này cũng đoạn riêng một nghi, nghi rằng: Vô trú thì không có phước đức? Hai mươi bảy nghi của quyển số Đại Vân, từ đây là nghi thứ nhất “vô trú có phước hay không?”. Nay số này chẳng cho đó là số nghi của đoạn chính. Vì sao? Vì đó là nghi một phần trong trả lời câu hỏi. Cho nên luận nói: “Đắc hàng phục tâm”. Là vì tiếp đó nói về “Bố thí lợi ích, bất trú tướng” là nghĩa của Thí thành tựu tiếp sau nữa mới bắt đầu. Văn thế nói “từ đây về sau, tất cả Tu Đa la thị hiện đoạn dứt tâm sanh nghi”.

Số chia hai phần: 1. Giải thích ý văn:

Từ câu “Nếu lia...” là giải thích ý tương hỏi: bởi vì bản đời nguy dịch nói: “Bất trú tướng tướng”. Bèn nghi rằng: Nếu còn tồn tướng thí tức là có Nhân Thí, vì nhờ có Nhân Thí, mới có quả thí. Đã không có tướng thí thì không có Nhân thí, nhân còn chẳng thành thì quả làm sao lập được? Cũng như cho vay nợ thì cần phải ghi nhớ, nếu quên thì ai trả. Nghi này đồng với hành thí trong tâm vô ký, trong pháp cũng vậy.

“Bất khả tư lượng”: Vì là phước của vô tướng Bố thí, cho nên bất khả tư lượng. Trong Dụ Đông Phương là đứng đầu trong các phương. Do vậy mà nói trước. Nam, Bắc, Tây phương, như thứ tự mà ví thuyết. Pháp dụ đều đồng là Bất khả tư lượng. Ý nói: Chẳng phải nói rằng không có, rỗng không. Không này là tương đối, nghĩa ở tại trong Hợp.

“Hư không...”: là phần hai, nói riêng về ý chỉ của Dụ.

“Khắp tất cả xứ”: nghĩa là trong sắc, phi sắc đều có “Không”.

“Nghĩa là trong trú...”: là pháp hợp.

Vì trong trú và bất trú, đều có phước. nghĩa là: gần thì cảm được phước trong Thập Vương Trú. Xa thì chiêu được phước của Bồ-đề bất trú. Lại nữa, gần thì được phước trong sắc thân trú, xa thì được phước pháp thân bất trú. Không tuy vô tướng nhưng chẳng phải nói là rỗng không. Phước tuy bất trú nhưng chẳng phải nghĩa là không có phước.

“Hai là khoan quảng”: Tức là ngang khắp mười phương, “Cao” tức là dọc cùng ba tế. “Đại”, tức là gồm chung cả ngang dọc, những nghĩa như trên, pháp dụ đều đại. “Thù Thắng”: Dụ thì ba tai chẳng hoại. Pháp thì bốn tướng chẳng dời.

“Ba là vô tận”: Chỉ một nghĩa mà thôi đó là cứu cánh chẳng cùng tận. Mà thế giới thì có tận, hư không thì vô cùng. Ba loại nghĩa thường, chính tại đây vậy. Đại để ý nói phước của Vô trú, đầy khắp tất cả, phước của vô trú, cứu cánh chẳng cùng. Giống như Hư không, lường suy chẳng nổi. Xưng là pháp giới là vì được như thế, nghĩa lợi rõ ràng,

còn bị gì Hoặc.

5. Kinh “Đản ứng như sở giáo trú”:

Hỏi: Phần trên thì bảo là bất trú, đây lại bảo trú. Trú và bất trú, cái nào đúng, cái nào sai?

Đáp: trước là bảo bất trú dụng tam. Đây là bảo trú ở bất trú. Bất trú mà trú, tức là trú Chơn không, cùng như con chim bất trú không (bầu trời) nhưng lại có thể trú không. Nếu trú ở không, tức là bất trú không. Cho nên bản nguyện dịch nói: “Chỉ nên như vậy hành ở Bồ thí”. Theo đó trả lời ba câu hỏi xong, liền hợp với cuối kinh, nhập vào phần Lưu Thông. Duyên theo không sanh (Tu Bồ-đề) và ở chỗ Như Lai trả lời mà sinh khởi ra nghi tình, cho nên là Đoạn. Đoạn xong rồi, lại khởi nữa, triển chuyển nhiều lên, chấp hết, nghi trừ, cuối cùng có hai mươi bảy đoạn văn. Do vậy mà còn có những phần văn kinh tiếp theo.

Sớ hai: Lần Lược Đoạn Nghi: Văn có hai phần: “Lần lược đoạn nghi”: Là lần theo dấu vết những câu văn trước để đoạn dứt nghi tình kia. Trong kinh tuy chẳng hiểu rõ có những từ ngữ nghi ngờ nhưng tiềm phục ở bên trong văn. Cho nên chỉ nói đoạn mà chẳng nói khởi. Trong tụng của ngài Di Lặc cũng giống ở đây, cho nên kệ nói: “trong điều phục sự kia, lìa xa thủ tâm tướng, và đoạn nhiều loại nghi, vừa giữa sinh thân tâm”.

“Thị Hiện” có hai ý:

1. Không sanh (Tu Bồ-đề) giả bày lời nói.
2. Chỉ bày, hiển hiện.

Đệ Nhất: (nghi tình thứ nhất). Sớ đầu tiên là nêu chương mục.

Từ câu “Vì để cầu Phật quả...”: là chỉ ra chỗ khởi nghi. Đây là đến từ “Bồ thí bất trú tướng”. Vì nghe phần trước nói bất trú tướng của không và Hữu trong ba thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) mới gọi là Chơn Bồ thí. Bèn nghi rằng: hể hành Bồ thí, đều để cầu Phật, đã có sở cầu, sao lại vô trú?

Từ câu “Lại nữa, nếu bất trú...”: Đây là nạn vấn. Giả sử Nhân thành Vô trú, đây cũng phi lý.

Tiếp đó nói “Nhân và quả chẳng cùng loại”: Bởi vì Nhân và quả ắt phải cùng loại với nhau. Hữu thì phải đều Hữu, không thì phải đều không. Nhiễm và Tịnh đều vậy. Nếu đã sắc tướng là quả thì sao lại lấy Vô trú làm Nhân! Như thế là Nhân thì thuộc phạm trù không, quả thì thuộc phạm trù Hữu, lý e chẳng vậy nay đem quả mà nghiệm Nhân, Nhân hợp với Hữu trú, Phật thuyết Vô Trú là đối lừa tôi sao?

Nêu ra nhân của mỗi nghi. Kinh ý nói: Ở trong ý ông, có thể

dùng thân ba mươi tướng để thấy pháp thân Như Lai, hay là chẳng thể? Tướng này là Nhân của khởi nghi. Cho nên nêu ra để hỏi.

Từ “Vốn chỉ...”: Là giải thích Nhân khởi nghi. Vì người Nhị Thừa chỉ thủ tướng cao sáu tướng, cho đó là Chơn Phật. Vì đã cho tướng đó là quả, nên chẳng tin Nhân của vô trú. Vì Nhân và quả chẳng cùng loại với nhau. Phật nay nêu quả để hỏi, khiến biết biến quả là vô tướng thì tự nhiên ở Nhân, sẽ chẳng Mê hoặc Vô trú.

Ngăn ngừa tướng mạo trả lời: Kinh ý: Không sanh (Tu Bồ-đề) thấy Phật nêu tướng để hỏi, liền biết chẳng thể cầu bằng tướng. Cho nên đáp là “không thể”.

Từ câu “Vì ngăn ngừa...”: Ý e chúng sanh đời sau chẳng thông đạt lý này, thủ tướng cho là Chơn. Vì vậy mà ở đây ngăn ngừa mê kiến. Theo nghĩa thì chính là đang đoạn hiện hành của không sanh (Tu Bồ-đề), ngăn ngừa chủng tử vị lai.

Từ “Luận nói:...”: là dẫn chứng.

Hỏi: Trong kinh thì nói “Thấy”. Luận giải thích thì nói “thành tựu”, lúc lại hợp với ý Phật hay sao?

Đáp: Đã tác cái kiến giải này thì ắt sẽ làm ra chứng này, cho nên không trái nhau.

“Khác với Hữu vi”: Kinh trưng hỏi ý rằng: Vì nghĩa gì mà chẳng dùng ba mươi hai tướng để thấy pháp thân Như Lai? Giải thích ý rằng: Vì Như Lai thuyết thân tướng ba mươi hai tướng, tức chẳng phải tướng của pháp thân. Chữ “Tức” giống như chữ “Thị” (là), chữ “Phi” giống như chữ “Bất”, bốn văn giống như đảo, chánh ngôn là “bất, thị”.

Từ câu “Tướng là...”: Nghĩa là ba mươi hai tướng đều là những hình ảnh hiển hiện lên trên gương Trí, đã rơi vào con số Hữu vi, cho nên sẽ bị bốn tướng làm đời đổi, hơn nữa khi đối cơ, có lúc nên Hữu, có khi nên vô chẳng nhất định thì sao lại cho đó là pháp thân. Cho nên nói “tướng là Hữu vi...”. Đây là giải thích câu “Như Lai thuyết thân tướng” trong kinh.

Câu “Phật thể khác với thứ đó”: Pháp thân Phật thể khác với thứ hữu vi đó. Cho nên nói: “Ba mươi hai tướng” chẳng phải là tướng pháp thân. Đây là giải thích câu “Tức phi thân tướng”.

Từ “Kệ nói...” là dẫn chứng. Bài kệ đầy đủ là “Phân biệt Hữu vi thể, phòng kia thành tựu đắc, vì ba tướng khác thể, lìa lìa là Như Lai”. Trong kệ này, hai câu đầu, nghĩa đúng với đoạn văn trước. Câu sau cùng đúng vào phần sau. Câu thứ ba phù hợp với đoạn văn này. Cho nên chỉ lấy câu này để làm chứng.

Từ “Phật Thế...”; là chuyển qua giải thích văn kệ. Tức là kinh nói “tức phi thân tướng”.

Từ “Hai tướng Trụ và Di...” là giải thích nghĩa của ba tướng. Vì phần trước nêu ra bốn tướng, kệ này chỉ có ba tướng. Vì sinh là ở tại thời quá khứ, Diệt là thuộc thời vị lai, hai tướng Trụ và Di đồng xử ở thời hiện tại. Lại nữa, hai tướng này chẳng lìa khỏi nhau. Tức trụ mà Di, tức Di mà trụ. Vì đồng một thời, cho nên hợp lại làm một, e lậm với Thường trụ, nên chỉ nêu ra Di.

Từ “nếu chia nhỏ ra”: là dựa theo nghĩa mà chia nhỏ ra tức thành là bốn tướng. Đây là dẫn Duy Thức để giải thích về tướng. Nghĩa là từ không có mà có, gọi là sinh. Từ có mà không có, gọi là Diệt. Trước và sau biến đổi, gọi đó là Di, tạm thời tương tục, gọi đó là Trụ. Mà pháp thân Như Lai chẳng phải là tiền tế sanh, chẳng phải là Hậu tế diệt, không có biến dị, chẳng thể phá hoại, cho nên “khác với đó”.

Ấn Vô tướng: Kinh ý nói: Bởi tất cả tướng đều từ Vọng niệm mà sinh. Do vậy, tướng Phật cũng là hư vọng. Nếu phân biệt chẳng khởi thì tướng tự nó chẳng sinh, liền thấy phi tướng. Cú tướng đã vong, duy là giác thể, đó gọi là thấy Như Lai. Do vậy thì biết, Phật thân vô tướng.

Sớ: Có hai phần:

- Giải thích hai câu đầu: có hai phần:

1. Chánh giải thích: “Chẳng những (phi Đản)”, là chẳng riêng, chẳng chỉ. “Phàm”: là chúng sanh trong lục đạo. “Thánh”: tức là tam thừa Hiền Thánh. “Y”: là có tịnh có uế. “Chánh”: tức là phàm thánh. Vì để đối y Báo, cho nên nhắc lại, chư pháp tuy nhiều, chẳng ra ngoài bốn pháp này, tuy nêu ra bốn pháp nhưng bao quát tất cả. Đây là giải thích trong câu kinh “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, e người ta nghe nói “thân tướng phi tướng”, rồi cho rằng duy chỉ Phật thân. Nay nói chỗ phàm là để ngăn chặn cái thấy cục bộ.

Từ “Vì do từ vọng niệm...”: là giải thích nguyên do. Phàm và Thánh, nhiễm và tịnh, hơn và kém tuy khác nhau, đều từ niệm sanh, đều là hư vọng. Niệm không có tự tướng, chẳng lìa giác tính. Niệm còn vô tính, hướng nữa là những tướng mà nó hiện ra lại thật có sao? Niệm là sở y, tướng là Năng y, Sở y còn hư, thì năng y làm sao mà có? Nó cũng giống như: da đã chẳng còn thì lông làm sao nương vào được?

2. Từ “Khởi tín...” là phần hai. Dẫn chứng: trong đây, thuận hiểu và phản hiển, làm rõ hết nghĩa.

- “Nhược kiến...”: là phần hai, giải thích hai câu sau, có hai phần:

Chánh giải thích: “Ngăn chặn lìa sắc...”: vì sắc tức là lậm không, không

tức là sắc, lia khỏi sắc để cầu không, ấy là điều sai lầm lớn. Cho nên đây là ngăn chặn vậy.

“Chẳng chỉ...”: lại e nghe “tướng tức phi tướng là Như Lai”. Sẽ cho rằng chỉ nói theo thân tướng Phật, ngoại trừ Phật thân ra, những tướng khác đều chẳng phải Như Lai, cho nên nói tất cả tướng đều vô. Đây là giải thích chữ “chư” trong kinh. Thí như trong gương hiện hình bóng của một người, kiên hiện cả những vật khác, chẳng chỉ hình người không xứ là gương mà những vật khác cũng đều là gương, hợp với pháp có thể hiểu được.

“Như thị liễu”: tức tri kiến cùng với kiến duyên tựa hiện tiền cảnh, nguyên ngã giác minh.

“Cho nên khởi Tín nói...”: là dẫn luận để giải thích. Có bốn phần:

1. Dẫn Khởi tín: Đây có hai ý: a. Chứng chư tướng đều là nghĩa của vô tướng, vì tướng nương theo niệm mà sinh, giác Thể còn ly ở niệm, há hướng là ở tướng sao? b. Chứng chư tướng vô xứ, đều là nghĩa của Như Lai. Tướng thuộc ly niệm, gọi đó là pháp thân, pháp thân đã đẳng với Hư không. Hư không đâu từng có tướng! Vô tướng bình đẳng, nhiếp tất cả tướng, tức là pháp thân. Văn sau nói: “Ly tất cả tướng, tức danh chư Phật”. Lại nói: “Như Lai: tức nghĩa Như của chư pháp”. Cho nên nói “chẳng chỉ...”.

2. “Triệu nói...”: là phần hai, dẫn triệu để chú giải. Đây tức gọi là thấy hành tướng của pháp thân Phật. E người nghe “chư tướng phi tướng, tức thấy Như Lai”, bèn mong Phật vô tướng hiện rõ ràng trước mắt, nếu như vậy thì có khác gì với tướng kia. Cho nên nói “Hành hợp...”. Trí ngầm với Lý, tâm hội với Thần, cho nên nói “Hành hợp”, “Giải thông”: là như trên kia, giải liễu tất cả tướng là phi tướng. Trước kia là Chơn kiến, đây là tựa kiến, cho nên khởi Tín Luận nói: Pháp thân không có bỉ thử, sắc tướng đáp đối cùng thấy nhau.

3. “Kệ nói...”: là phần ba: dẫn bốn luận, tức là phần trước bài kệ thiếu sót. Đây y theo giải thích của Luận ngài Thế Thân.

4. Từ “Cô Tước...” là phần bốn: dẫn ngài Vô Trưởng. “Ly Biến Kế”, là chẳng chấp trước hư giả là Thật. Duy Thức nói: Viên Thành Thật với kia, thường viễn ly tiền tính. “Chơn sắc thân”: có hai ý: a. Cho Hư vọng là Hư vọng, chỉ như sự cả nó, bất tất phải thủ bất sinh bất diệt, cho đó là Chơn. Như cho Trăng dưới nước là trăng dưới nước, tuy tựa mà chẳng Chơn vậy, cho nên Hoa Nghiêm nói: Với thật thì thấy Chơn thật, chẳng thật thì thấy chẳng thật, cứ như vậy mà giải hiểu ba pháp tướng

thì đó tức gọi là Phật. b. Nghĩa là tướng tức vô tướng, đồng với pháp thân, nhiếp ngọn quy gốc, gọi đó là Chơn sắc thân, tức là Chơn thiện diệu sắc. Cho nên Niết-bàn nói: Ta nay thân này tức là Thường Thân Pháp Thân là Thân Kim Cang bất hoại.

Hỏi: Trước thì manh (trừ) tướng, đây lại tồn tướng, tướng nào là trái?

Đáp: Trước là hiểu pháp thân, cho nên nói tướng tức phi tướng. Nay tỏ sắc thân, cho nên nói vô tướng tức tướng. Bởi vì quả Phật ắt đủ hai thân, tướng Hai thân thì như song và nước. Trong hai luận, mỗi luận hiểu một nghĩa: nói tựa tướng là phản, nói ý Thật tướng là phù. Bồ-tát xảo tiện, diệu tại chỗ này!

Từ “Cho nên luận kia...”: Hai văn đều chứng hiển nghĩa của sắc thân mà thôi. Mà trong mỗi nghi của đoạn này, từ vi đến trước nói về hai Thân Chơn và ứng, gồm có sáu lớp:

1. Phật tướng phi tướng.
2. Phật tướng phi, tức Như Lai.
3. Tất cả tướng đều phi tướng.
4. Tất cả tướng phi tướng đều Như Lai.
5. Duy chỉ chứng tương ứng, không có Phật để thấy.

6. Tướng của vô tướng là Chơn sắc thân. Mà sáu lớp này, trước trước thì cạn, sau sau chuyển sâu. Văn chẳng nhọc viết, Lý thì đốn hiện. Người đạt, cái thấy ắt cần phải cùng một lúc, không có trước sau.

NGHI TÌNH THỨ HAI:

Sớ: đầu tiên là nêu chương mục.

Từ câu “Luận nói:...”: là chỉ chỗ khởi nghi.

“Vô Trú...”: Đây là chỉ cho chánh đáp câu hỏi về trú, Tu, Hàng. “Vô tướng thấy Phật” tức là câu “Nếu thấy chư tướng phi tướng tức thấy Như Lai” ở phần trước.

“Vị lai...”: là kết thành nghi. Ý nói: Nhân và Quả đã đều vô tướng, tức Nhân và Quả đều thâm sâu, như chính tôi (Tu Bồ-đề) thừa theo, mới có thể lĩnh ngộ, mặt thế độn căn, làm sao tín thọ, đã chẳng tín thọ, uổng thuyết ích gì? Trình lên mối nghi. Kinh hỏi ý rằng: Vị lai Mặt thế, có thể có chúng sanh nghe câu văn Nhân quả đều thâm sâu này mà sanh ra tâm Chơn thật tín hay không? Chữ “Phả” là Năng, có thể. Ý muốn tách biệt với niềm tin chung chung, cho nên nói là “Thật Tín”.

Từ “Bản nguyện đời nguyện viết...”: là dẫn bản Nguyện để hiểu văn. Bản Nguyện có, kinh này thiếu. La Thập xảo dịch, diệu tại ảnh lược mà thôi, cũng có thể văn này là dựa chung cả hiện tại và vị lai để hỏi. Vì

thời Phật còn tại thế cũng có người khó tin thâm pháp này, như chư Tiểu Thừa và ngoại đạo. Trên Hội Pháp Hoa, còn có những Thanh văn rút lui khỏi Hội, huống nữa nay là Bát-nhã. Đến phần sau, Phật đáp, chỉ nêu mặt thế để so với hiện tại. Mặt Thế còn có (người tin) Phật thế lại không có (người tin sao). Cho nên nay bản Tần dịch chẳng nói “Vị lai”.

“Cú thuyên sai biệt”: Dùng danh, tên để thuyên tỏ tự tính chư pháp, như nói “Sắc” tức chọn phi tâm (chẳng phải tâm), nói tâm chọn phi sắc. Mà sắc và tâm đều có nhiều loại, mà chưa tỏ rõ đây là sắc nào, tâm nào? Cú có thể phân biệt Chơn tâm, vọng tâm, hình sắc, hiểu sắc,... cho nên nói :cú thuyên Sai biệt”.

“Chương là giải cú”: Dùng cú tuy thuyên sai biệt nhưng chưa rộng tỏ nghĩa lý, vì trong Chơn và vọng, hình và hiển, sắc và tâm bao hàm nhiều nghĩa, chương có thể nói rõ về chúng, cho nên nói là giải cú, chữ “chương” giống như chữ “chươg (rõ rệt)”.

Sớ văn thuận theo nghĩa, cho nên giải thích trước chữ “cú”.

Từ “Đại phẩm...”; là nói về tướng của Tín. Nghĩa là thấy có những pháp; sắc, tâm,... đó là tin tất cả pháp. Nay dùng Bát-nhã chiếu chúng, tất cả những tướng phù trần, những tướng Huyền hóa, đương xứ xuất sinh, tùy xứ diệt tận, Huyền vọng gọi là tướng, tính Chơn của chúng, gọi đó là Diệu giác minh thể. Đó là chẳng tin tất cả pháp, mới gọi là tin Bát-nhã vậy, cũng giống như Tịnh Nhãn chẳng thấy Không Hoa, nếu chấp Hoa không, thì làm sao tin được Tịnh Nhãn, hợp so với pháp thì có thể hiểu vậy.

Để hiểu tỏ niềm tin. Kinh nói “Đừng nói như thế!”: Đó là lời trách, lời khuyên. sao lại nói đời sau chẳng có người tin nư sau khi Phật được, trong thời Mặt Thế, người có giới, định thật có tín tâm với thâm nghĩa này, ti đây là thật.

Từ “Kinh Đại tập nói...”: là tỏ rằng sau khi Phật diệt, có năm giai đoạn năm trăm năm, những năm trăm năm đầu thì vượt trội, những năm trăm năm sau thì kém cõi.

“Giải thoát”: là chứng, tức là Thánh quả của Tam Thừa.

“Thiên Định”: là hành,tức là những Định; Lộ; vô lộ, Đại thừa, Tiểu thừa, sự, lý...

“Đa văn”: Là giải (hiểu). Tức là giải hiểu Đốn, Tiệm, Thiên, Viên không và Hữu... đây là giai đoạn năm trăm năm thứ ba, những giai đoạn trước thì có đủ những giai đoạn sau, sau chưa dứt ắt có đủ trước.

“Tháp tự”: nghĩa là chẳng cần đạt đến Đạo đa phần thích Hữu vi,

dùng tư tài tiền bạc ngoài thân, tu nghiệp phước có thể gian.

“Đấu Tránh”: Đây là tỏ về trong Phật pháp thường có tranh luận, như ở Tây Thiên, tông Đại thừa và tiểu thừa, chia sông uống nước. Trong Đại Thừa, Tính tông và tướng tây khác nhau. Trong Tiểu Thừa có hai mươi Bộ phái khác nhau, kết bè với nhau, tự cho mình đúng, bài bác người sai. Truyền đến phương này (Trung Hoa, Đông Thổ), chẳng khỏi như vậy, Hoặc Tướng hoặc Tính, Nam tông Bắc tông, Thiên Tông cho rằng, Tướng Tông là sai. Đó đây Bè đảng, chẳng chấp nhận nhau, gọi là “Đấu tránh”.

“Đều như ví”: Là cần có những lời như “Năm trăm năm và lao cố”. Lao cố: là con người đa phần công kích nhau, quyết định chẳng bỏ. Nhưng ở đây chỉ nói theo sự tăng thặng, chứ chẳng phải là chẳng tương thông nhau, như sau khi Phật diệt, trong khoảng hai trăm năm. Vua A Dục xây tháp, chẳng lẽ chỉ giới hạn ở giai đoạn thứ sao! Lại nữa, Bồ-tát Tạng Kinh nói: Năm trăm năm sau, vô lượng người thiện, tu thiền định, giải thoát, đa văn, há chỉ là giai đoạn một, hai, ba hay sao? Nay kinh này nói: “Năm trăm năm sau”, tức là thời đại này, tuy đang là thời đại đấu tránh, nhưng cũng có người có giới Đức. Mới biết năm loại lao cố; chỉ dựa theo sự thặng mà nói.

Từ “Vốn nghi...”: Số dùng phần văn đoạn nghi, dựa theo chỗ trình nghi trước, đó là hiển rõ ngài không sanh, nghi vào thời Ác Thế, không có người tin. Trước là dẫn kinh dịch đời Ngụy để chứng cho nghĩa này; Ác thế còn vậy, huống nữa là những thời đại khác!

Từ “Giới Định...”: Là dựa theo Tam Học để giải thích về Định, đó là Thể của phước, cho nên đối với Định.

“Chánh giải vô đảo”; Đã có chánh giải, ắt không đảo Hoặc. Vì giải hiển cái đạo lý của Nhân quả vô tướng, gọi đó là “Thật Tín”, tức là Huệ Học.

“Ngài Vô Trưởng nói:...”: là dẫn chứng. Kinh đời Ngụy nói: “Có người trì giới, tu phước đắc trí Huệ”. Di Lặc tụng nói: “thuyết nhân quả thâm nghĩa, vào thời sau ác thế. Bất không cho co thật. Bồ-tát ba Đức đủ”. Ba Đức, tức là Tam Học. Nay văn chỉ lấy chương cú này “sanh ra Tín tâm, cho đó là Thật”, tức là Huệ. Nếu họ không có Huệ thì ai có thể cho đây là thật mà sanh Tín?

“Thiếu dục...”: là trì giới thiếu dục, tu Định làm tỉnh lặng những loạn động. Tập Huệ thì đoạn dứt mê Hoặc, cho nên nói là “Đẳng”.

Nói “Tăng thượng”: vì ba Học, giới, Định, Huệ làm tăng hơn thâm pháp trên. Trong kinh nói là Ba nghĩa quyết định.

Từ “Giới thì ra khỏi...”: là nói về ba tướng ích lợi. Người có giới thì chẳng rơi vào Địa ngục, Ngạ quỷ, súc sanh. Sanh ra ở cõi Tứ châu, Lục Dục Thiên. Giới kinh nói: Người muốn được sinh lên cõi trời, sanh trong cõi người, thường nên hộ giới đủ, đừng để bị hủy phạm.

“Định xuất Lục Dục”: Vì Dục giới thì không có Định, người được Định thì sẽ sanh ra trong hai giới trên. Cho nên Viên giác kinh nói: “Bỏ ái lạc xả, trả về gốc Ái, liền hiện Hữu vi, tăng thêm thiện giả”.

“Huệ xuất tam giới”: gốc của tam giới là do Nghiệp Hoặc, người có Trí Huệ thấy đều trừ bỏ. Nghiệp Hoặc đã trừ, tự nhiên Siêu việt. Cho nên tâm kinh nói: “Quán tự tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”. Mà Huệ cạn còn có thể xuất ra khỏi tam giới, hướng chi là Bát-nhã thâm sâu của Đại thừa.

Về phần Nhân của Tín. Kinh phản hiểu và thuận tỏ khác nhau, có thể biết vậy.

“Duyên thắng”: Tuy làm lợi ích ta, đó là người bạn, đều là bạn vậy. Nhưng phạm chẳng bằng Thánh. Tiếu chẳng bằng Đại. Nhân chẳng bằng Quả. Một Phật tuy là quả nhưng chẳng bằng nhiều Phật. Đã nói “vô lượng ngàn vạn”. Cho nên nói là “chung thắng”.

“Nhân thắng”: ba Độc tức là Tham sân si, chúng làm hại Hữu Tình, cho nên gọi chung là Độc, vì sinh khởi, tức là Bất thiện, lâu ngày chế phục, nên gọi là Thiện Căn. Cho nên Hoa Nghiêm nói: Ta xưa đã tạo các ác nghiệp, đều do vô thủy tham sân si. Duy Thức nói: Thiện: đó là ba căn, tín, tâm quý (hổ thẹn), vô tham. Có nghĩa sanh trưởng nên gọi là căn. Thiện và bất thiện đều do từ ba căn này. Nếu chế phục được nó, mới gọi là “Nhân thắng”. Nhân và duyên đều thắng, mới Khởi Tín này. Do vậy mới biết, Thật Tín chẳng để được. Một niệm còn vậy, hướng chi là mãi mãi tin, cho đến trì, thuyết?

Về phần phước Đức, kinh ý nói rằng: “Người tin kinh, được vô lượng phước, Như Lai thấy đều biết, thấy người kia”.

Câu “Như thị vô lượng phước”: là chỉ cho phước của tin kinh. Giống với phước của phần trên “Phước của Bồ thí bất trú, mười phương hư không, chẳng thể tư lượng”.

Từ : Ngài Vô Trưởng nói...”: đầu tiên là giải thích về Phật tri kiến. “Đi, Đứng...” tức là trong bốn oai nghi, mỗi oai nghi đều có những sở tác khác nhau. Cho nên chú thích nói: Bốn uẩn tức là Thọ, tưởng, hành, thức. Đó là tương ứng và bất tương ứng. Suy nghĩ chuyện gì, niệm nhớ chuyện gì, những niệm lấy, bỏ, buồn, vui đều gọi là tâm. Chú thích về

sắc thân, tức là chỗ nương dựa của bốn uẩn. Nay dựa theo nghĩa mà nói, nên gọi là “y chỉ”. tức là đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngửa, sinh tâm khởi niệm, tất cả đều biết. Cử động làm gì, cũng đều thấy hết, bởi mất Trí của Phật, rộng lớn vô biên, y chánh ấy tại, há chẳng soi khắp! Pháp Hoa nói: Ta không tri chúng sanh hành đạo hay chẳng hành đạo. Vì tâm không có hình tướng, cho nên chỉ nói là Tri. Thân xác vật chất, đã là hình tướng, cho nên có thể nói là “Đã thấy người ấy”. Đức hạnh đã sẵn đủ, thiện căn đã thành mà Phật chẳng nhiếp trao, về lý ra sao? Cho nên nói “thử đặng hiển thị...”. Mà Phật trí chẳng thiên lệch, xem chúng sanh như một. Có cảm thì ứng.

Từ “Luận nói...”, hoặc hỏi: Thấy và biết, chỉ cần nói một thứ thì được rồi. Sao trong kinh lại dùng cả hai? Cho nên nói: “Nếu chẳng nói...”, vì phàm phu cũng có biết và thấy. Thấy thì thông với Nhục Nhãn (mắt thịt). Biết thì kiên cả tỉ lượng. Vì vậy mà có người chẳng biết chẳng thấy. Nay biết thấy của Phật chẳng giống như thế. Nghĩa là ở chỗ thấy tức liền biết, chẳng như cái biết tỉ lượng ở chỗ biết tức liền thấy, chẳng như cái thấy của mắt thịt, tức là không có sự việc nào chẳng biết, không có việc nào chẳng thấy. Kinh nói cả hai là ý tại đây vậy. Cho nên Di Lặc tụng nói: “Phật phi kiến quả tri, nguyện trí lực hiện kiến”.

“Đắc phước...” Là phần hai, giải thích về Đắc phước. Trước tiên là dẫn kinh. Từ “Luận nói:...”: là giải thích nghĩa. “Năng sinh Nhân” là chánh tu phước nghiệp, tức là người tín, giải, trì, thuyết.

“Tự thể quả”: tức là huân thành chủng tử tự thể, sau đó cảm đương quả.

“Chánh khởi”: Khi làm phước, đang ở hiện hành.

“Kia diệt”: nghĩa là Hiện hành diệt rụng, chủng tử mới thành, uẩn chứa ở trong Thức, dùng cảm quả.

“Đây nói chữ “Đắc...””: Văn này dùng một chữ “Đắc” để gộp cả Sanh và Thủ, nghĩa là sinh đắc và Thủ đắc. Cái diệp của bản dịch đời Tần là ở tại đây vậy.

Trong phần hai, phần nguyên do, sơ chớ hai phần: Ý chia phần: Từ “Do từ không có...”, nghĩa là do không có hai chấp; Ngã, pháp đó là nguyên do được nhiếp thọ.

Phần: Đã đoạn thô chấp: ý kinh như Sơ.

“Trung Hỏi”: Văn có hai phần: phần đầu, giải thích văn kinh, ý hỏi có thể biết được. Trong phần giải thích:

“Ngã”: Nghĩa là chấp tự tổng tướng của ngũ uẩn là Ngã.

“Nhơn”: là kế cho Ngã (ta) chết rồi, sanh lên cõi trời, chết ở cõi

trời, sanh làm súc sanh. Tiếng phạm gọi là Bồ Đặc Già La. Tiếng Hán gọi là Số Thủ Thú, tức là “Nhơn”.

“Chúng sanh”: Kế cho ngã là thọ mệnh một đời chẳng đoạn tuyệt. Thọ giả còn gọi là Thọ mệnh, kế cho Ngã một đời thọ mệnh chẳng đoạn tuyệt. Mà Ngã là tổng chủ, còn Nhơn, chúng sanh, thọ giả là biệt (riêng), thu tóm biệt quy về tổng chung, cho nên nói là “Ngã chấp”. Do vậy ba thứ sau đều nói là “kế ngã”. Mà bốn tướng trên, tuy trong kinh đều là Vô (không có), nhưng chẳng thể chẳng hiểu.

Từ “Năng thủ...”: tâm và Cảnh đều vọng. Vì vạn pháp tuy nhiều, tóm lại chỉ tâm và cảnh. Tâm và Cảnh, mỗi thứ đều có vô lượng sai biệt. cho nên nói: “tất cả”.

“Chơn không...”: Tuy tức chư pháp đều không nhưng chẳng phải nói rằng một mực là phi tướng, chỉ vì nhờ ly chấp mà Chơn không bất đoạn. Cho nên nói rằng: “Diệc vô phi pháp tướng” (cũng không có pháp nào chẳng phải là pháp tướng).

“Ly...”: là phần hai, bên ý chỉ kinh. Đây là nói về sự kiêm chánh mà đắc Phật tri kiến.

“Cho nên Luận nói...”: Trong dẫn chứng, có đặt câu hỏi, giải thích rõ mà chỉ bày.

“Thật tướng sai biệt”: thật tướng tức vô sai biệt, phương tiện sanh ra thật tướng mới có sai biệt. “Công Đức trì giới” là chỉ cho đoạn trước.

“Tín tâm...”: Phần sau nói: Tín tâm thanh tịnh thì sinh ra thật tướng Di Lạc trong nói: “Người kia nương tín tâm, cung kính sanh thật tướng”.

“Không chỉ...”: Ý nói: Có nhiều phương tiện làm cho sanh ra thật tướng. Chẳng phải chỉ có riêng thuyết Bát-nhã. Trên thì nói ly chấp, đây thì nói Bát-nhã. Do vì Bát-nhã này có thể trừ chấp. Trên thì dựa theo sở đoạn, đây thì dựa theo Năng Đoạn. Năng và Sở tuy khác nhau, nhưng ý thì chẳng khác.

“Chưa trừ tế chấp”: nghĩa là cả hai chấp cùng sinh, nhậm vận mà khởi. Trên thì ly phân biệt thô chấp, đã thành tự tịnh tín, đắc Phật tri kiến còn cạn. Tế chấp chưa trừ, rốt cuộc làm chướng ngại Thánh Đạo. Nay hiển thị khiến cho đoạn dứt chúng. Kinh hỏi ý nói: Vì nghĩa gì mà cần phải Vô pháp phi pháp tướng” giải thích ý rằng: do vì thủ tướng, tức là trước dính ngã, nhơn... vẫn còn lại... có thể hiểu rõ.

Số: Có hai phần:

1. Giải thích, nói chung về hai tướng.

Từ “giải thích chung...”: Kinh nói: nếu tâm thủ tướng, trong tướng, ý xả pháp tướng, phi pháp tướng. Cho nên nói là “Tổng” (chung).

“Cũng là ...”: Vì vẫn tiếp theo là nói riêng về thủ pháp, phi pháp, đều trước dính tướng ngã, nhơn,... Đây lại là lập tông.

2. Từ “Nếu thủ...” là phần hai, giải thích nói riêng về Hai tướng. Có hai phần:

a. Chánh tỏ về hai tướng: “Vô Minh Sử”: là pháp chấp câu sinh, là nằm trong vô minh trú địa, cho nên gọi là “Sử”.

“Hiện hành ...”: tức là ngã chấp phân biệt hiện hành, trước kia đã đoạn. “Thị vô ngã kiến”: Kết thành nghĩa trên.

“Chỉ thủ...”: Tức là vô minh sử trước kia là thứ sở Hữu. Chữ “chuyển” giống với chữ “Khởi”.

“Ngã tướng”: là ngã chấp phân biệt hiện hành.

“Y chỉ”: Phân biệt chủng tử làm chỗ y chỉ cho hiện hành kia, cũng có thể pháp chấp phân biệt, gọi là y chỉ, cùng chỗ y chỉ cho ngã chấp kia.

b. “Trong có...”: Là phần hai, giải thích riêng. Ý hỏi có thể biết rõ.

“Dùng sau giải thích trước”: Chẳng bằng nói: Dùng nghĩa tế để giải thích nghĩa thô thì dễ thấp hơn.

Hỏi: Người Nhị thừa cũng có pháp chấp, vì sao chẳng khởi Ngã kiến?

Đáp: Vì người Nhị thừa khi mới bắt đầu tu hành đã nghiêng hẳn về việc đoạn dứt ngã chấp, đến khi đạt đến Vô Học vị thì thô và tế đều trừ hết. Do vậy tuy có pháp chấp nhưng chẳng khởi Ngã chấp. Nay dựa theo người học Đại thừa, song đoạn hai chấp, phân biệt cùng trừ, câu sinh lưỡng tồn, do hai chấp này nhậm vận mà khởi. Cho nên Vô Trưởng nói: Bởi vì trong Ngã tướng, tùy manh chẳng đoạn, tức có Ngã Thủ.

PHẦN HUYỀN MÔN:

Kinh: “Thị cố”: Do thủ pháp phi pháp trên đều là trước dính ngã... cho nên khuyên bảo “bất ưng”, tức nhập trung Đạo.

“Dĩ thị nghĩa cố”: do vì bất thủ pháp phi pháp.

Sớ: “kết quy trung”: chẳng nên thủ pháp, là ly hữu, chẳng nên thù phi pháp, là ly vô. Đã ly Hữu vô, tức quy trung Đạo.

“Mượn lời hiểu nghĩa”: nghĩa là cái gọi là phi pháp, đó là hiển pháp Thể ly khỏi Tính kế (chấp). Nếu không có câu nói “Phi pháp” thì làm sao biết nghĩa kia. Những nghĩa khác đều ví theo đây. Nên biết, nghĩa chẳng tự nó hiển rõ, ắt phải mượn lời nói. Cho nên Tịnh Danh nói: Không lìa văn tự mà thuyết giải thoát.

“Chẳng nên...”: nghĩa là tuy nghe phi pháp, chẳng thể như lời bèn chấp vào nghĩa không. Đây là ngăn chặn những người chấp vào lời nói.

“Chẳng chấp...”: Nghĩa là nếu hoàn toàn vứt bỏ lời nói thì làm sao hiểu rõ nghĩa không của chư pháp. Mới biết, chỉ trừ bệnh chứ chẳng trừ pháp. Đây là ngăn chặn những người một mực cư ly ngôn. Đó là toàn chấp hay toàn bỏ, cả hai đều chẳng thể. Cho nên Hoa Nghiêm Sơ nói: Pháp thì vô ngôn tượng, chẳng phải lìa ngôn tượng. Không có ngôn tượng mà điên đảo, mê hoặc, chấp ngôn tượng mà mê Chơn.

“Kệ nói...”: Hai câu còn lại là: “Như người bỏ thuyền bè, trong pháp nghĩa cũng vậy”.

“Luận giải ...”: Là chuyển qua giải thích văn kệ. “Đắc chứng trí”, dùng lời để tỏ Trí, được trí thì quên lời. Quên lời tức là “Bất trú”. Như đi thuyền qua sông, đến bờ thì bỏ thuyền.

“Tùy thuận”: Là khi chưa đắc chứng trí thì chẳng thể đều quên hết lời kia. Chưa đạt bờ kia, chẳng nên bỏ thuyền.

“Thật tướng anh”: Thật tướng gọi là pháp, Đắc thật tướng trí, vô tướng vô đắc. Cho nên nói là “Nên xả”, bởi vì Thật tướng vô tướng. Duy Thức nói: Bấy giờ, Sở duyên trí đều vô sở đắc.

“Lý bất ứng”: Pháp thật tướng này còn bất khả đắc, hướng nữa là tất cả pháp lìa ngoài thật tướng. Ngoài thật tướng chư pháp ra, đều là ma sự. Cho nên nói rằng: “Phi pháp chẳng hợp với lý, cho nên bất tương ứng”. Dùng thị để ví với phi, cho nên nói là “Hà hướng” (hướng nữa).

NGHI TÌNH THỨ BA

Sớ: Đầu tiên là nêu tên chương mục.

“Tứ phần trên đã nói rằng: ...”: Là chỉ ra chỗ khởi nghi. Mỗi nghi này là do từ mỗi nghi thứ nhất mà đến. Vì văn kia nói rằng: “Chẳng thể dùng thân tướng mà thấy được Như Lai”.

“Phật phi hữu vi”: Đây là chỉ về kệ nói: “Phân biệt Hữu vi thế, phòng kia thành tự đắc, Ba tướng khác với Thế, ly kia là Như Lai”. Cho nên nói là phi Hữu vi. Cũng là dựa theo những thứ định trước mà lập ra cái mỗi nghi này.

“Sao lại ...”: Là kết thành nghi. Đã rằng nếu Phật chẳng phải Hữu vi thì chẳng hợp với có đắc, có thuyết, sao Thích Ca lại đắc Bồ-đề ở dưới cây Bồ-đề, thuyết pháp ở những Hội trước kia mà sau này. Đã có đắc, có thuyết, tức là rơi vào Hữu vi. Sao trên kia nói chẳng dùng tướng thấy, cho là vô vi ư?

Nêu Nhân để hỏi

Kinh: Ý nói: Ở trong tâm ông, cho như thế nào? cho rằng ta đắc Bồ-đề hay chẳng đắc? Cho rằng ta thuyết pháp hay chẳng thuyết pháp? Ông vốn nghi vậy, nên nêu ra để hỏi ông!

Từ “Phật hỏi:...”: là ngài không sanh nghi có đắc, nghi có thuyết. Phật bèn thuận theo nghi để hỏi: từ ngữ tuy nói “đắc”, ý tỏ vô đắc, để thử xem câu trả lời là hiểu hay chẳng hiểu.

“Ngài Vô Trưởng nói...”: Là dẫn chứng. Kia nghi Hữu thủ, Phật hiểu tỏ là vô thủ, dùng vô để phá Hữu, cho nên nói là “Phiên”. Về thuyết pháp cũng giống vậy.

Thuận lý để đáp: Ý kinh biết được.

Chữ “Định”: Nghĩa là Thật. Nghĩa là không có Thật pháp, danh là Bồ-đề, không có thật pháp, danh là Như Lai thuyết. Đây là một mực dựa theo thẳng nghĩa mà đáp.

“Kệ nói...”: Hai câu kệ còn lại là: “thuyết pháp bất nhị thủ, vô thuyết ly ngôn tướng”. Ý nói Thích Ca Như Lai là ứng hóa, tướng của ứng hóa, đối với Tục thì có, đối với Như Lai là ứng hóa, tướng của ứng hóa, đối với Tục thì có, đối với Chơn thì không có, do vậy trong đáp, đều nói không có tiêu chuẩn nhất định. Kim Quang Minh Kinh và Nhiếp Luận nói: Phật quả không có công đức sắc thanh riêng biệt, duy chỉ có Như Như và Như Như Trí độc tồn. Đây là Chơn Phật. Nay đã khác đây, sao thể nói Chơn! Cho nên nói “Ứng hóa phi Chơn Phật”.

Vô Định pháp: Kinh hỏi ý rằng: Vì nghĩa gì mà không có định pháp để có thể thuyết? Giải thích ý rằng: Muốn nói cái Hữu của nó thì lại không có hình trạng, không có tên gọi. Muốn nói cái Vô của nó thì Thánh nhờ cái linh của nó. Để lý nếu như vậy thì muốn thuyết gì đây! Thuyết còn bất đắc, muốn thủ gì đây! Thủ tức là Đắc. Do vậy, trên nói: “Không có định pháp để Như Lai thuyết”.

Sớ: Có hai phần:

1. Dẫn ngài Vô Trưởng:

“Chánh văn...”: Đây là nghe mà không nghe, thuyết mà vô thuyết, chẳng phải nói là hoàn toàn chẳng nghe chẳng thuyết. Như kinh Tịnh Danh nói: Thuyết pháp; là vô thuyết, vô thị. Nghe pháp, vô văn vô đắc. Đó là nghĩa này vậy.

“Phân biệt tính”: tất cả chư pháp đều nương theo vọng niệm mà có sai biệt. niệm còn vô niệm, pháp há lại là pháp. Cho nên nói! “Phi pháp”.

“Pháp Vô Ngã”: Chỉ cần tính phân biệt mất, tức là lý của pháp vô ngã. Lý này chẳng vô, cho nên nói là “Phi phi pháp”.

2. Từ “Luận nói...”: Là phần hai, dẫn ngài Thiên Thân. Có hai phần:

a. Giải thích văn: “Y Chơn...”: Đây là nêu ra cái gốc của sở y. mà phần trên kia đã nói là ly hữu vô.

“Tất cả...”: Pháp thuộc về Duyên sinh, vốn không có cái thể Chơn thật, cũng không có cái tướng Chơn thật. Cho nên nói là “Phi”.

“Thật tướng hữu”: Chư pháp đã vô, tức là Chơn thật tướng. Thật tướng chẳng vô (bất vô), cho nên nói là “Phi phi pháp”. Đây tức là phi khước luôn phi pháp.

“Vì sao ...”: là nạn vấn chung, Ý nạn vấn rằng: Vốn là nghi về chứng, nghi về thuyết thì hỏi đáp đều dùng cả hai. Nay ở trong phần giải thích nguyên do, sao lại chỉ nói thuyết mà chẳng nói chứng?

b. “Có người nói...”: Là giải thích. Đây là dùng thuyết để phản nghiệm về chứng. Hơn nữa, sông có châu mà chẳng khô, núi có ngọc mà thêm nhuận, bên trong không có gốc đức thì làm sao có thể nói ra. Cho nên chỉ nói thuyết mà tự nó đã bày tỏ cái chứng vậy. Lại nữa, ở đây nói Thủ, tức là chứng.

Vô thủ vô thuyết: Kinh hỏi ý rằng: nguyên do nói Vô thủ, vô thuyết, phi pháp, phi phi pháp là sao? Giải thích ý rằng: Thánh Nhân tức là vô vi, vô vit tức vô phân biệt. nếu có thủ, thuyết pháp, phi pháp ... đều thuộc phân biệt, chẳng gọi là vô vi, là Thánh nhân, vô thủ vô thuyết. Nói “Hiền Thánh”: Hiền tức là Thánh, giải thích theo nghĩa lân cận.

Từ “Bản dịch đời Ngụy viết:...”

Hỏi: Hành vị thì thông cả Hiền và Thánh, vì sao chỉ lấy Thánh Nhân?

Đáp: Nếu xét chung thì bao gồm cả Hiền vị, vì đây nói về chứng quả sậu cận nên chỉ nói Thánh.

“Đặc danh”: tức là sai biệt. vì chư Thánh Nhân đều là dựa theo nghĩa chứng vô vi sai biệt mà đặt tên, như chứng Thiên hành Chơn Như thì đặc danh là Hoan Hỷ Địa Bồ-tát... đây tức là đặc danh sai biệt.

Bởi chỉ cùng một nghĩa mà thôi:

“Luận ý ...”: Nghĩa là đăng địa trở lên, tùy chứng một phần Chơn Như, đều đoạn dứt một chương, hai ngu, tức là một phần thanh tịnh, dựa vào nghĩa này mà đặt một tên, cho đến Phật Địa, lệ đều như vậy.

“Phi biệt đặc pháp”: Là vô đặc mà đặc, tức là Chơn đặc Bồ-đề. Nếu nói có đặc, tức là chẳng Đặc. Mới biết (chuyện) dưới cây Bồ-đề là sự việc không có thật. Cho nên kệ nói: “Ứng Hóa phi Chơn Phật...”

“Vô thủ thuyết”: là kết, quy về nghĩa vô phân biệt của văn kinh.

“Cụ túc thanh tịnh”: Là Phật, nghĩa là tất cả Hoặc, tập, thủy đều đoạn trừ không còn một mảy vọng trần, thuần nhất vô tạp.

“Phần thanh tịnh”: là Bồ-tát. Phần đoạn các chướng, phần chứng Chơn Như. Cấu chia hoàn toàn trừ, cho nên gọi nhanh là phần. Cho nên Phật Đảnh kinh nói: “Còn trần còn chư Học, Minh cực tức Như Lai”. Rộng thì như đã nói trong bài tự chỗ “mãn Tịnh giác giả”.

“Vô Trưởng...”: Là dựa theo vô vi sai biệt mà nói về Hiền Thánh.

“Vô phân biệt”: Tức là nghĩa của vô vi. Không có tạo tác, không làm gì cả, cho nên gọi là Vô vi. Vô vi và Chơn Như là cùng một pháp.

“Bồ-tát...”: Vì hữu phân biệt, vì Hữu sở vi.

“Như Lai...”: Vì vô phân biệt, vì vô sở tác.

“Sơ vô vi”: là Bồ-tát.

“Chiết phục...”: Đây là khi đang tại Quán, phân biệt chẳng sanh, được một phần tương ứng, cho nên gọi là “Hiển liễu”.

“Hậu vô vi”: là Như Lai. Không còn phân biệt nữa, là Chơn vô vi, tức là Đệ Nhất Nghĩa. Đây là dựa theo Phật, cho nên còn nói rằng không có gì vượt trên nữa, cho nên gọi là Vô Thượng giác, tức là Phật.

“Tam Thừa...”: Là kết chung các Thừa. Vì người Nhị Thừa cũng phần chứng Chơn lý, cho nên ở đây thông nhiếp. do vậy mà biết Hiền Thánh ba thừa đều tu và chứng vô vi. Sở chứng tuy không có cạn sâu, nhưng Năng chứng thì có sai biệt. giống như ba con thú cùng độ qua một xon sông, Năng độ (những con thú) thì có sai khác, sở độ (con sông) thì không sai khác. Đại phẩm nói: Muốn cầu Thanh văn Thừa, phải học Bát-nhã Ba-la-mật, muốn cầu Duyên giác, Bồ-tát, Vô Thượng Phật thừa, đều nó phải học Bát-nhã Ba-la-mật. Do vậy, Kinh nói: “Tất cả Hiền Thánh”.

Phân So sánh:

Hỏi: Vốn do ngài Thiện Cát khởi nghi, cho nên Thế Tộn mới đoạn trừ, đoạn nghi đã xong, sao còn so sánh?

Đáp: Luận nói: Pháp tuy bất khả thủ, bất khả thuyết, nhưng lại bất không. (chẳng không). Ý nói: e có người nghe là pháp bất khả thủ, thuyết. Bèn muốn đồng loạt hủy bỏ, vứt bỏ hết ngôn giáo (lời dạy) ở đây so sánh này để tỏ rõ sự vượt trội, khiến cho họ diễn thuyết, thọ trì, do vậy, quyển Sơ Đại Vân ở đoạn này lập ra mối nghi thứ năm; phước đức bất không. Vì văn của Luận chẳng nói Đoạn nghi, cho nên quyển sở này chẳng lập.

Nêu phước kém để hỏi: Kinh ý nói: bầy báu quý nhất, tam thiên

lớn nhất, dùng đó Bồ thí, phước nhiều hay không?

Từ “Câu Xá...”: là nói về Tam Thiên Thế giới. “Bốn Đại Châu”: là Đông Thắng Thân Châu, Nam Thiện Bộ Châu, tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lô Châu. “Nhật Nguyệt”: Tức là một Tứ Thiên hạ. Cùng một Nhật Nguyệt soi chiếu. “Tô Mê”, còn gọi là Tu Di Lô, chỉ vì tiếng phạm vùng Sở Hạ (tây vực) mà thôi, tiếng Hán gọi là Diệu Cao Sơn, do bốn bảo tạo thành, cao tám vạn do tuần. “Dục Thiên”: là Lục Dục thiên, đó là: Tứ Thiên Vương Thiên, Đạo Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên. “Phạm Thế”: Cõi trời thứ nhất của sắc giới. Trong ấy lại còn có ba cõi trời, đó là: Phạm chúng thiên, phạm phụ thiên, Đại phạm thiên. “Mỗi một ngàn...”: Như trên mỗi đây một ngàn mới thành một tiểu Thiên giới. “Tiểu thiên này...”: Lại một ngàn tiểu thiên giới mới thành một trung thiên giới. “Ngàn hàng...”: Lại với một ngàn cái Trung Thiên giới mới thành một Đại Thiên giới. “Đều đồng...”: nghĩa là Tứ Thiên trở lên thì tam tai chẳng hề gì, cho nên chẳng nói thành hay Hoại. Tam thiên trở xuống thì đều nằm trong tam tai, cho nên nói “Đồng một thành hoại”. Trong đó, từ Sơ Thiên trở xuống, đồng cùng Hỏa tai, từ Nhị Thiên trở xuống, đồng cùng thủy tai. Tam Thiên trở xuống, đồng cùng phong tai.

“Thất bảo...”: Có thể biết được.

Phước nhiều để đáo: Kinh văn trả lời, có thể xem hiểu.

Hỏi rằng: Vì nghĩa gì mà nói nhiều? Giải thích ý rằng: chẳng dựa theo Thắng Nghĩa không, cho nên nói nhiều, đó là dựa theo Thế Đế Hữu cho nên nói nhiều.

“Thắng Nghĩa không”: Môn này là tuyệt tướng vô vi, chẳng thể nói là phước hay chẳng phước. Phước đã chẳng có thì không có gì để nói là nhiều.

“Thế Tục Hữu”: Môn này là Hữu tướng Hữu vi, có thể nói là phước, vì có phước, cho nên kiêm để có thể nói là nhiều.

Phước của kinh. Kinh ý có thể biết được. Mà bốn câu phước còn nhiều vậy, hưởng nữa cả bộ kinh!

Sớ: Có hai phần:

1. Giải hích văn kinh: Kệ giải thích trì và thuyết. Do nói về nguyên do của Thắng (vượt trội), nhìn về sau văn kinh thì hình như hơi gấp dùng văn kệ, liên hoàn nhau chẳng thể chia tách ra.

“Thọ trì và thuyết”: Nêu hai pháp môn.

“Bất không...”: Nghĩa là trì, thuyết kinh này khác với Bồ thí tài bảo, Không đức phước đức, còn đặc vật gì? Là đoạn văn tiếp theo.

“Phước bất thứ Bồ-đề”: Nghĩa là tài bảo bố thí tuy nhiều nhưng thành phước Hữu lậu ở thế gian, rốt cuộc chẳng thể thành Vô thượng Bồ-đề.

“Nhị Năng thứ Bồ-đề”: là trì, thuyết kinh này, đoạn trừ phiền não, chổ hết phiền não, tức là Bồ-đề.

“Tứ cú...”: là phần hai. Tổ riêng tướng của câu.

“Thuyên nghĩa...”: nghĩa là dùng một câu để thuyên tỏ một nghĩa. Một nghĩa là một câu, bốn nghĩa mới thành một kệ. Nhất và Di, Hữu và không, thường và vô thường, đều có tứ cú của nó. Mà này kinh “tứ cú”, có nhiều thuyết khác nhau: Có thuyết; lấy Vô Ngã, Vô Nhơn, Vô chúng sanh, vô thọ giả làm tứ cú, có thuyết lấy “Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh,..” làm tứ cú. Có thuyết nói:

“Tất cả Hữu vi pháp...” làm bốn câu. Có thuyết nói: Chỉ tùy ý lấy bốn câu văn trong cả cuốn kinh, tức là bốn câu. Có thuyết nói: bắt đầu từ “như thị” cho đến cuối kinh “phụng hành”, mới thành bốn mà những thuyết trên đều chẳng phải là chánh nghĩa.

“Như phạm sở...”: Là về chánh nghĩa. Đây là dựa theo Hữu Vô làm bốn câu. Nghĩa là: Cú thứ nhất là Hữu, cú thứ hai là vô, cú thứ ba là Diệc Hữu diệc vô. Cú thứ tư là phi hữu phi vô. Văn và nghĩa đều kiêm đủ, cho nên nói là “tối diệu”. Vì bốn nghĩa này có thể thông với thật tướng, tức là bốn môn.

“Nhưng mà...”: mà câu một, câu hai, câu bốn đều là bốn môn. Chử, chỉ có câu ba thành ra sáu chữ. Vả đã tăng, giảm thì làm sau thành kệ? Cho nên ở đây là giải thích.

“Trì, thuyết...”: Vì bốn nghĩa này là cánh cửa của vạn pháp, nếu liễu bốn nghĩa, tức thông vạn pháp, vạn pháp đã thông, há có Bồ-đề, mà chẳng chứng ư!

“Văn hoặc...”: Nhưng xét về nghĩa, nghĩa chẳng tại văn, nghĩa ắt tròn đủ, văn theo tăng giảm.

“Nghĩa nếu...”: thiếu nghĩa thành báng, đủ thì thành Môn.

“Thành báng”: nghĩa là thiếu vô thì thành ra là Tăng ích Báng Thiếu Hữu thì thành ra là tổn giảm báng. Thiếu phi hữu phi vô, thành ra là tương vi Báng, Thiếu diệc Hữu diệc vô thành ra là hý luận báng. Ví Hữu thì định Hữu, vô thì định vô, hai cú còn lại cũng lệ theo đó, thành bốn Báng. Vì sao? Vì pháp chẳng Như Thị. Vì chẳng Như pháp mà thấy. Đây tứ là Bát-nhã Ba-la-mật giống như đồng lửa lớn, bốn bề chẳng thể thủ.

“Cụ tứ cú”: đó là nghĩa chẳng bị thiếu. Hữu bất định Hữu, là Hữu

của tức vô. Vô bất định vô, đó là vô của Tức Hữu. Còn lại cũng lệ theo vậy, tùy theo ở trong một cú, thấy tròn cả nghĩa của bốn cú, chẳng rơi vào báng tăng, giảm,... cho nên thành Môn. Vì sao? Vì pháp như thị. Vì Như pháp kiến. Đây là Bát-nhã Ba-la-mật giống như Hồ nước mát mẻ, bốn bề đều có thể nhập vào, chỉ vì Nhơn (người) nương vào pháp, pháp khác thì Nhơn trái, nếu pháp nghĩa được hoàn toàn, há lại Bồ-đề chẳng chứng ư! Cho nên nói; thọ trì kinh này thắng hơn phước thí.

Chánh giải thích. Kinh hỏi ý rằng: Vì nghĩa gì trì thuyết kinh này thắng hơn bảo thí? Giải thích ý, có thể biết.

“Chư Phật Bồ-đề pháp”: chẳng phải là pháp Bồ-đề của các Thừa khác nhưng Bồ-đề khác cũng từ đây mà xuất ra, chỉ nêu ra thắng (Vượt trội) là để vui.

“Thứ nhị”: là trì và thuyết.

“Liễu nhân”: Vì pháp thân là lý của bốn Chơn, bất sinh bất diệt, chỉ bởi phiền não che lấp nó thì ẩn kín, trí Huệ liễu nó, thì hiển cả, trì thuyết pháp này, diệu Huệ tự tỏ, quán phá phiền não, pháp thân hiện vậy.

“Sanh Nhân”: Báo thân Hóa thân, vốn thì không có, đến do vạn hạnh, nên gọi là sanh. Cho nên Di lặc tụng nói: “Ở thật, làm liễu Nhân, cũng làm Sanh nhân khác”. Là kinh nói: tất cả chư Phật Bồ-đề pháp, đều từ chỗ kinh này.

Chuyển giải thích kinh:

“Sở ngôn Phật pháp”: là dựa theo Thế Đế, cho nên Hữu (có). “Tức phi Phật pháp” Theo Đế nhất nghĩa thì vô.

“Đệ Nhất...”: Nghĩa là trong tướng Tục Đế có sự khác nhau giữa Mê và Ngộ, nhiễm và tịnh, phàm và thánh, cho nên nói Phật pháp từ kinh này mà ra. Lý của Chơn Đế thì lìa khỏi tướng của Mê ngộ, nhiễm tịnh, phàm Thánh, cho nên chẳng thể nói ra nghĩa của Phật pháp. Cho nên Viên Giác Kinh nói: Tất cả Như Lai viên giác diệu tâm, vốn không có Bồ-đề và Niết-bàn, cũng không có thành Phật và bất thành Phật, không có vọng luân Hồi vọng và phi luân hồi. Nhưng bốn luận thì khác với kia, đây chẳng thể rườm kể ra.

NGHI TÌNH THỨ TƯ:

Sớ: đầu tiên là nêu ra chương mục.

Từ “Hương thuyết...”: chỉ về chỗ khởi nghi. Nghi tình này đến từ trong nghi tình thứ ba.

“Bất khả thủ thuyết”: Vì phần văn trước nói: “Pháp mà Như Lai thuyết, đều bất khả thủ, bất khả thuyết”.

“Vì sao...”: là kết, thành nghi. Vì phần trước nói: tất cả Hiền Thánh thông cả Ba thừa, mà nghi rằng Thanh văn đắc quả, đó là Thủ như người Sơ quả, chứng tự Sơ quả, cũng tự nói rằng: đã chứng Sơ quả.

Nhập Lưu quả: Kinh hỏi ý rằng: Ở trong ý ông ra sao? Ông cho rằng người Tu Đà Hoàn nghĩ rằng Đắc Tu Đà Hoàn quả hay không? Đáp: Không! Ý hỏi rằng: Nếu như vậy thì vì nghĩa gì mà đắc danh Tu Đà Hoàn, giải thích ý rằng: Chỉ dựa theo chẳng nhập những cảnh giới, sắc... tức danh là Tu Đà Hoàn.

Sớ có ba phần:

1. Giải thích Văn kinh:

“Nhập lưu”: Tứ quả gọi là Thánh nhân, trải từ phàm phu mới bắt đầu nhập loài Thánh lưu là loài. Dự là xen vào.

“Hỉ do...”: là giải thích về nguyên do Đắc danh.

“Nhập”: Nghĩa là thủ trước, thủ dính, nếu thủ lục trần, tức là bị trệ ở phàm lưu. Chẳng thủ lục trần, gọi danh là nhập Thánh Lưu. Mới biết, công đức ở tại con người, chẳng tại cảnh giới lục trần. Căn cứ theo đó thì đó có riêng pháp nào mà làm sở nhập?

“Luận nói...”: là dẫn chứng nghĩa trên.

“Hằng thủ một pháp”: chẳng chỉ là Lục trần.

“Danh Nghịch lưu”: nghịch phàm lưu. Nghĩa là nếu thủ tục trần, tức là nhập vào dòng phàm, ngược với dòng Thánh. Đã chẳng thủ trước, tức nhập vào dòng Thánh, ngược với dòng Thánh. Đã chẳng thủ trước, tức nhập vào dòng Thánh, ngược dòng phàm.

“Cho đến...”: là nói về những quả khác. Sơ quả còn vậy, huống là quả khác!

2. “Nhưng chẳng...”: là phần hai bàn giáo, quả chứng: hoặc hỏi: Đã đều bắt thủ thì cũng phải bắt chứng? Cho nên ở đây giải thích.

“Chỉ ngay khi cứng...”: Là chuyển giải thích: ý nói chỉ là không có tâm thủ, chứ chẳng phải nói là chẳng chứng.

“Nếu khởi...”: Tổ ngược rằng phàm phu trước Ngã là do khởi tâm. Thánh Nhân vô ngã, ắt chẳng khởi vậy.

3. “Cho nên biết...”: là phần ba Kết. Đoạn trừ nghi tình. Ngài không sanh vốn cho rằng chứng quả là Thủ, cho nên sinh ra nghi tình. Nay tỏ rõ rằng Vô Thủ mới thành nghĩa của chứng, khác với điều nghi, nếu theo đoạn trừ nghi thì văn này đến đây là hết. Nhưng vì bốn quả là hành vi của Tiểu Thừa Hiền thánh tu chứng, do vậy trong kinh nói đầy đủ cả. Mà bốn quả này còn có bốn hướng. Nghĩa là Hướng về Quả, tức là Tu Đà Hoàn hướng... Trong bốn quả, quả đầu tiên là Kiến Đạo, hai quả

tiếp theo là tu Đạo, quả sau cùng là vô Học Đạo. Hơn nữa, người mới tu hành, được nhập Kiến Đạo, nghĩa là mười sáu tâm đoạn tam giới, dưới Tứ Đế tám mươi tám sử, phân biệt thọ Hoặc, đắc Sơ quả chứng, nghĩa là Tam giới, mỗi giới có Bốn Đế, dưới mỗi Đế đều có phiền não, tức là Tham, Sân, Si, mạn, Nghi, Thân kiến, Biên kiến, tà kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ, phía dưới Bốn Đế, hoặc đủ hoặc thiếu, cho nên thành tám mươi tám sử. Cuốn tạp tâm Luân nói: “Dưới khổ đủ tất cả, Tập, Diệt trừ ba kiến, Đạo trừ bớt hai kiến, giới trên chẳng hành Nhuế”. Nghĩa là câu thứ nhất tức là Dục giới dưới khổ đế đủ cả trừ đi ba kiến, tức là thân kiến, biên kiến và giới cấm thủ. Sở dĩ trừ đi ba kiến này là vì duyên thân là gốc khổ, quán khổ đã đoạn, thân kiến và biên kiến, y theo Tham mà khởi, cho nên cũng tùy tho đó mà mất. Không có giới Cấm Thủ là vì tập Đế chẳng cho phi Đạo là Đạo, Diệt Đế lại chẳng phải là Tu vị, do vậy đều không có Giới cấm thủ. Đạo thì đứng ở Tu Vị, nhưng lại có nó, cho nên chẳng trừ. Vì vậy mà nói “Đạo trừ đi hai kiến, chẳng trừ giới cấm. Do vậy, dưới khổ Đế có đủ mười sử. Tập Đế và Diệt Đế, dưới mỗi Đế có bảy sử, cộng với mười sử trước là hai mươi bốn. Dưới Đế là tám, hợp lại là ba mươi hai. Câu sau cùng nói “ Giới trên chẳng hành Nhuế:, tức là dưới Bốn Đế của hai giới trên đều rừ đi một sân, mỗi giới có hai mươi trí, cộng thành năm mươi sáu. Kiêm luôn Dục giới ở dưới ba mươi hai, tức là tổng cộng tất cả là tám mươi tám.

Thế nào là Mười sáu tâm? Nghĩa là dưới Bốn Đế cử Dục giới, mỗi Đế có một Nhẫn, một trí mà thành ra tám tâm, lại hợp với hai giới trên là một Bốn Đế, loại hạ Dục giới quán, Đoạn trừ cũng mỗi Đế có một Nhẫn, một trí thành ra tám tâm. Hai lần tám tức là mười sáu tâm. Nhẫn tức là vô gián Đạo, là khi đang đạo hoặc. Trí tức là Giải Thoát Đạo, là khi đã Đoạn xong. Đó là: khổ pháp Trí Nhẫn khổ pháp trí, khổ Loại trí Nhẫn khổ loại trí.. Đạo pháp trí, Nhẫn Đạo Pháp Trí, Đạo Loại Trí Nhẫn đạo loại trí. Đoạn đến tâm thứ mười lăm Đạo Loại Trí Nhẫn, gọi là Sơ quả Hưởng, khi đến tâm thứ mười sáu Đạo Loại trí, gọi là chứng sơ quả, nhập vào kiến Đạo, là Tu Đà Hoàn. Phân biệt Thọ hoặc cùng một thời đốn đoạn, giống như chẻ tre, ba đốt cùng tách, tức lấy tám trí của Kiến Đế làm Thể của sơ quả. Hành tướng của sơ quả, lược nói như trên, ba quả còn lại, xem ở văn sau.

Nhất Lai Quả: Kinh hỏi đáp và trưng ý đều giải thích như trên. Ý nói bậc Tu Đà Hàm, chỉ ở Nhân gian và trên trời, một lần vãng lai. Tuy còn vãng lai, thật không có chỗ vãng lai, chỉ dựa theo nghĩa này mà gọi là Tư Đà Hàm.

“Đoạn hoặc”: Dục Giới Tu Hoặc, có bốn: Tham, sân, si, mạn. Đây là câu sanh Tể hoặc.

“Nhậm vận khởi”: Chương cho Tu Đạo, vì khó đoạn, cho nên chia ra thành chín phẩm; Thượng thượng... hạ hạ. Chín phẩm hoặc này, người Nhị quả và Tam quả đoạn trừ chúng. Đoạn đến phần thứ năm gọi là Nhị Quả Hưởng, đoạn hết phẩm thứ sáu gọi là đệ Nhị quả. Cho nên Câu Xá nói: “Đoạn chí Ngũ Nhị Hưởng, đoạn Lục Nhất Lai Quả”.

“Nhất văn...”: Bởi vì chín phẩm tu Hoặc, làm nhuận bảy sinh thuộc Dục giới, nghĩa là thượng thượng phẩm nhuận hai sinh, ba phẩm tiếp theo, mỗi phẩm làm Nhuận một sinh. Hai phẩm tiếp theo tổng cộng một sinh, ba phẩm sau tổng cộng một sinh, nay đoạn sáu phẩm đã tổn sáu sinh, còn sót lại ba phẩm hạ, làm nhuận một sinh ở Dục giới. Do vậy một văn sanh lên trời, còn cần phải thêm một lần hai về Nhân gian thọ sanh, đoạn trừ những hoặc còn lại.

“Bền đắc...”: Hỏi: Căn cứ theo thứ tự này, hợp lại là đệ tam quả. Vì sao lại nói “bền đắc La Hán”? Đáp: Nói “bền đắc La Hán”, chẳng phải nói là vượt qua chẳng chứng quả thứ ba, chỉ nói theo Hoặc ở Dục giới tận hết, văn mà chẳng lại, là nói theo một lần đi. cho nên nói là “bền đắc...”, nếu sửa đổi “bền đắc” thành ra là “thẳng đến” thì có sao lâu! Còn lại ba phẩm dưới, một sanh (một kiếp sống) thì đoạn trừ hết, bền văn đến la Hán, tức là chẳng cần lai hòa hội ở trên kia.

“Cho nên gọi là...”: Là kết thành đệ nhị quả. Tức là lấy kiến Đạo tám phẩm vô vi và Tu Đạo sáu phẩm vô vi làm Thể của quả này.

“Vô Ngã...”: Do vì Vô Ngã, cho nên chẳng kể cho là khứ và lai, chứ chẳng phải nói là chẳng khứ chẳng lai, chỉ chẳng kể cho là người khứ lai, nó cũng giống như người thợ đóng thuyền ở nước lỏ, điều khắc thanh gỗ thành con người, tuy lại chèo qua lại văn lai nhưng thật không có tình lự kể cho là văn lai.

Bất Lai quả: Kinh hỏi đáp, trưng ý, cũng giống với giải thoát ở phần trên, ý nói: “A Na Hàm”: một lần văn sanh lên trời, không còn tái lai nhân gian nữa. Tuy là bất lai nhưng cũng không có cái bất lai, dựa theo nghĩa này mà gọi là A Na Hàm. Bất lai (chẳng về nhân gian) bất hoàn (chẳng trở về nhân gian) là cùng một nghĩa.

“Đoạn Hoặc...”: nghĩa là trong chín phẩm Hoặc ở trước, còn lại ba phẩm hạ, đoạn đến phẩm tám, gọi Lê tam quả hưởng. Đoạn hết chín phẩm, gọi là quả thứ ba. Cho nên Câu Xá nói: “Đoạn Hoặc bảy tám phẩm, danh Đệ tam quả Hưởng, chín phẩm toàn đoạn tận, tứ đắc Bất Hoàn quả”.

“Cánh bất hoàn...”: Dục giới Tu Hoặc, chỉ còn ba phẩm ba phẩm phiền não, cùng nhuận một sinh, nay vì đoạn nó, chẳng còn Hoặc nhuận, ngăn Huyệt luẩn quẩn, cho nên không còn tái lai nữa.

“Cho nên gọi là ...”: Là kết, thành đến tam quả, tức là lấy kiến Đạo tám phẩm vô vi và Tu Đạo chín phẩm vô vi làm Thể của quả này. Người Nhị quả Tam quả này Đoạn Hoặc cũng giống như chặt cây đứt ngang vậy.

“Đồng tiền”: Là hợp nói, đã ngộ vô ngã thì ai vẫn lai.

Bất Sanh Quả: có hai phần, phần đầu nói về Đắc danh.

“Ba giải thích”: Do vì có ba nghĩa, cho nên giữ nguyên âm phạm. “Vô tặc”: ý cho phiền não là giặc. Nghĩa là đoạn dứt Huệ mệnh của con người, cướp đi của cải công đức, làm cho người hành đạo mất đi Thánh Đạo, trôi dạt vùng hoan sinh tử, chẳng đạt đến chỗ báu Niết-bàn, làm hại rất sâu, nên gọi là giặc.

“Kiến tu ...”: Nghĩa là hai giới trên, mỗi giới có ba loại Tu Hoặc, đó là Tham, Si, Mạn. Hoặc này vi tế khó trừ, cho nên chia chúng theo tám Địa. Mỗi Địa chia thành chín phẩm, hợp lại là bảy mươi hai phẩm, mỗi phẩm đều có một vô gián và một giải thoát. Đoạn đến phẩm bảy mươi mốt, gọi là A La Hán Hưởng. Đoạn hết bảy mươi hai phẩm hoặc, gọi là A La Hán. Quả này đoạn hoặc, như bước lên thang lầu, dần bước dần cao. Kiến và tu hợp lại mà xét, kiêm thêm một Địa Dục giới, tổng cộng dùng tám mươi chín phẩm vô vi, làm thể của quả này. Nếu dựa theo Tứ Quả Hữu vi xuất Thế thì sơ quả chỉ thủ Đạo Loại Trí một giải thoát Đạo làm Thế. Đệ Nhị quả chỉ thủ phẩm thứ sáu trong đoạn Dục giới chín phẩm tu Hoặc, một giải thoát Đạo làm Thế. Đệ tam quả chỉ thủ một giải thoát Đạo của phẩm thứ chín làm thể. La Hán quả chỉ thủ một giải thoát đạo tận trí trong phẩm thứ chín của Hữu Đảnh Địa làm Thế. Gọi là vô vi, tức là Ly Hệ quả, Hữu vi tức là Đẳng Lưu quả.

“Bất sanh...”: Đó là Ta sanh đã hết, phạm hạnh đã lập. Việc làm đã xong, chẳng thọ Hậu Hữu. Mà ba câu trước, tức là Tận Trí. Câu sau cùng, tức là vô sanh trí, nghĩa là chẳng hưởng trong tam giới, thọ hữu là thân khổ. Vì Nhân quả của Thế gian đã chết, quả đã chôn. Nhân của xuất thế gian đã thành, quả đã chứng.

“Ứng thọ...”: Vì đã siêu thoát cõi trời, cõi người, thọ nhận nỗi sự cúng dường của người, rời. Vì nếu còn một loại trầm luân thì làm sao kham chịu nỗi sự cúng dường. Cho nên Câu Xá nói: “Cúng dường A La Hán, đặc hiện tại phước báo”. Bởi do đã hết nghiệp phiền não, phước điền vượt trội. Nên biết người chưa xuất ra tam giới mà thọ nhận sự

cúng dường của người khác, chủ yếu là cần phải tùy thuận xuất ly, há lại có thể an nhiên bỏ qua ư

Nêu câu hỏi: Kinh ý theo trên có thể biết.

Đáp và trưng ý, theo giải thích trên.

Ý nói: A La Hán là bậc không có phiền não, chẳng thọ sanh, ứng cúng dường. Với những nghĩa đó, gọi là A La Hán. Ngoài những điều trên, chẳng còn có một pháp nào gọi là A L a Hán.

“Nhược A La Hán tác ...”: Là phân giải thích rằng: Nếu nghĩ rằng: tôi đắc A La Hán quả, liền trước dính tướng ngã, Nhơn... thì có gì khác với phàm phu! Do đây mà nghiệm biết không có ý nghĩ ấy.

Dẫn mình làm chứng, để tin: lấy mình, rồi mới người. Cũng vì khiến cho chúng sanh mất đi ý nghĩ ấy, nhập vào Thánh Đạo.

Trước tiên là ẩn ý kinh rằng: Vào thời trước, Phật từng nói con đắc tam muội này, là đệ nhất trong cõi người.

“Bất não...”: Nếu người ta hiềm mình đứng, thì mình ngồi xuống, cho đến chẳng khát thực nhà người nghèo, đều là vì để chẳng não người khác.

“Khiến cho...”: Đã chẳng não người thì phiền não đâu khởi.

“Đệ Nhất...”: Nghĩa là mười Đại đệ tử, mỗi vị đều có một (khả) năng, đều xưng là Đệ Nhất. Tức là Ca Diếp Đầu Đà, A Nan Đa văn, Xá-lợi-phất Trí Huệ, Mục Liên thần thông, La hâu La mật hạnh, A na Luật Thiên Nhân, Phú Lô Na thuyết pháp, Ca Chiên Diên luận nghĩa, Ưu Ba Ly trì luật. Tu Bồ-đề giải không.

Nay nói “Vô tránh”: Chỉ do vì giải không mà đắc Vô tránh. Cũng như Khổng Phu Tử có mười đệ tử gọi là Thập Triết, mỗi vị đều có khả năng riêng. Về Đức Hạnh thì có Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm bá Ngưu, Trọng Cung, Ngôn ngữ thì có Tể Ngũ, Tử Cống, chính sự thì có Nhiễm Hữu Quý Lộ. Văn Học thì Tử Du, Tử Hạ.

“Ly Dục...”: Nghĩa là Tham sử phiền não, thông cả ba giới, đoạn tận tham này, mới Chơn Ly Dục.

Hỏi: Nếu vậy thì chỉ là La Hán đều đoạn tam giới phiền não. Vì sao ngài Thiện Hiện lại xưng là Đệ Nhất, gọi là Đệ Nhất, là nói theo Vô tránh, chứ chẳng nói theo ly Dục. Cho nên kinh nói: “Tôi đắc vô tránh, là đệ nhất trong cõi người”. Lại nữa bản kinh dịch đời Ngụy nói: ‘Tôi nếu tác niệm, Thế Tôn ắt chẳng ký tội vô tránh Hạnh đệ Nhất’. Ý là: Vì chỉ riêng ngài không sanh đắc vô tránh Tam Muội, trong các la Hán ly dục, xưng là đệ nhất.

Bất Thủ: Kinh nói: Phật tuy khen tôi, tôi vào thời ấy, chẳng có

niệm này.

Phật ý: Kinh nói: Nếu tôi ngày khi đóm, tác niệm thế này “tôi đắc A la hán quả”, Phật ắt chẳng nói tôi là người vui với tịch tĩnh. Chỉ vì chẳng tác niệm ấy, nên Phật khen vậy.

“Vô Sở Hành”: Tức là chẳng tác niệm, cho nên trong kinh phản thuyết, tức nói rằng “Nếu tác niệm ấy”. Thuận giải thích thì nói: “Thật vô sở hành”.

“Ly phiền não chướng”: Là mười sử tham, sân,... thô và tế tận trừ.

“Ly Tam Muội chướng”: Tam Muội là Định, chướng tức là Hoặc. Chướng của tam muội, là giải thích theo Quả. Khác với phiền não, tức là chướng, giải thích trì Nghiệp. Do ly phiền não chướng mà đắc La Hán, ly Tam Muội chướng mà đắc Vô Trách.

“Tịch Tĩnh”: Tịch tĩnh tức là Vô trách Định, ý nói: Tu Bồ-đề là người Lạc Tịch tĩnh.

NGHI TÌNH THỨ NĂM.

Sớ: đầu tiên là nêu chương.

“Thích Ca...”: Kể chuyện trước kia, ý nghi tức là Thích Ca trong Nhân, là Tiên Nhân Thiện Huệ, được Nhiên Đăng Như Lai thọ ký rằng: Ông vào đời sau, sẽ được làm Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni, do vậy tăng tiến nhập vào đệ bát Địa. Cho nên nói là “thọ pháp”. Về chi tiết thì có những nhân duyên như nói trong nghi tình thứ mười hai.

“Sao lại...”: Chỉ ra chỗ khởi nghi, rồi kết thành nghi. Mỗi nghi này cũng đến từ mỗi nghi thứ ba. Vì văn kia nói: Như Lai sở thuyết pháp đều bất khả thủ, bất khả thuyết.

Kinh hỏi ý rằng: Ở trong ý ông ra sao? Cho rằng ta xưa kia ở chỗ Nhiên Đăng Phật, ở trong thọ ký ngôn thuyết, có pháp sở đắc hay không có sở đắc?

Đáp ý rằng: Như Lai xưa kia tại chỗ Nhiên Đăng Phật, ở trong thọ ký ngôn thuyết, thật không có pháp làm sở đắc.

“Thuyết là ngôn ngữ lời nói...: Vì đó là ngôn ngữ lời nó, cho nên là vô sở đắc.

“Ngôn ngữ phi thật”: Nghĩa là ngôn ngữ là từ duyên, duyên thì không có tự tính, nêu ra Thể là toàn không, vì không, cho nên vô đắc, đây tức là văn mà vô văn? Nghe, thuyết mà vô thuyết.

“Trí chứng pháp”: Giải thích về nguyên do được thọ ký, ý nói dùng cái trí tự vô phân biệt, chứng cái lý tự vô phân biệt. trí ngầm với Lý. Cảnh hội với thần há lạ có Sở thuyết, sở đắc sao?

“Luận nói...”: Là dẫn chứng nghĩa trên. Vì chứng pháp là lìa tướng của ngôn thuyết. Chứng pháp là lìa tướng của tâm duyên, cho nên bất khả thuyết. Chứng pháp là lìa tướng của tâm duyên, cho nên bất khả thủ.

